

BẢN ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**Dự thảo Luật Quản lý thuế (Thay thế)**

Thực hiện quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (TTHC), Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát TTHC và Thông tư số 03/2022/TT-BTP ngày 10/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp hướng dẫn việc đánh giá tác động của TTHC trong lập đề nghị xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và soạn thảo dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính đã thực hiện rà soát các TTHC được sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Luật. Theo đó, Bộ Tài chính xin báo cáo, đánh giá TTHC tại nội dung dự án xây dựng Luật Quản lý thuế (thay thế) như sau:

I. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ TỔNG QUAN

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 được Quốc hội khóa XIV thông qua ngày 13/6/2019 (*thay thế cho Luật năm 2006 và các Luật sửa đổi, bổ sung*), gồm 17 chương, 152 điều, với hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2020.

Qua quá trình triển khai thực hiện, Luật Quản lý thuế đã đi vào cuộc sống, tác động tích cực đến nhiều mặt kinh tế - xã hội của đất nước và đạt được mục tiêu đề ra khi ban hành Luật. Tuy nhiên, trong tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế những năm gần đây và do sự biến động nhanh của nền kinh tế - chính trị thế giới nói chung và nền kinh tế Việt Nam nói riêng, đã phát sinh một số điểm hạn chế, bất cập cần được nghiên cứu để rà soát, sửa đổi cho phù hợp với thực tiễn, tháo gỡ vướng mắc và tạo thuận lợi hơn nữa cho sản xuất kinh doanh, đảm bảo tính minh bạch, đồng bộ của hệ thống pháp luật.

Trên cơ sở ý kiến đánh giá của các cơ quan (cơ quan thuế, cơ quan hải quan), đơn vị và qua thực tiễn công tác quản lý thuế hơn 04 năm vừa qua, đồng thời, tham khảo kinh nghiệm và xu hướng cải cách quản lý thuế gần đây của các quốc gia trên thế giới, Bộ Tài chính đã xây dựng: Báo cáo nghiên cứu, rà soát Luật Quản lý thuế. Việc xây dựng Báo cáo đã bám sát các mục tiêu và nhiệm vụ được xác định tại Kết luận số 19-KL/TW ngày 14/10/2021 của Bộ Chính trị về *Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV; Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định*

hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị.

1. Thủ tục hành chính tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14

Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 quy định những nhóm thủ tục, các TTHC về thuế cụ thể được quy định tại cấp Nghị định và quy định chi tiết tại các Thông tư hướng dẫn thi hành. Theo đó:

- Bộ Tài chính đã ban hành ... Quyết định để công bố 235 TTHC tại Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Các Nhóm TTHC đã được công bố

Tại Dự thảo Luật quản lý thuế (thay thế) có các TTHC sau đây (bao gồm cả thủ tục đang được quy định tại Luật quản lý thuế số 38/2019/QH14 (giữ nguyên và sửa đổi, TTHC mới) và thủ tục được quy định tại các Nghị định, thông tư về thuế, nay rà soát hoàn thiện để đảm bảo đúng quy định tại Điều 14, Điều 172 Luật ban hành văn bản QPPL năm 2015):

- (1) Thủ tục đăng ký thuế lần đầu (Điều 31, 32, 33);
- (2) Thủ tục cấp/cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế (Điều 34);
- (3) Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế (Điều 36);
- (4) Thủ tục đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại hoạt động, chuyển đổi mô hình hoạt động (Điều 38);
- (5) Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế (Điều 39);
- (6) Thủ tục đăng ký khôi phục mã số thuế (Điều 40);
- (7) Thủ tục/nhóm thủ tục khai thuế (Điều 43,44,45);
- (8) Thủ tục gia hạn nộp hồ sơ khai thuế (Điều 46);
- (9) Thủ tục xử lý số tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa (Điều 60);
- (10) Nhóm thủ tục nộp thuế. (Điều 61,62,63,64,65)
- (11) Thủ tục/nhóm thủ tục về hoàn thuế (Chương VIII)
- (12) Thủ tục /nhóm thủ tục về không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế (Chương IX)
- (13) Thủ tục /nhóm thủ tục về đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử (Chương X).
- (14) Thủ tục lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử (Điều 92).
- (15) Thủ tục/Nhóm thủ tục về đại lý thuế, đại lý hải quan (Chương XII).

II. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

(A) Các TT HC trong lĩnh vực Hải quan.

(1) Thủ tục nộp thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ **Sự cần thiết của TT HC:** Đảm bảo thu nộp thuế kịp thời, đồng thời tạo thuận lợi cho người nộp thuế.

+ **Tính hợp pháp, hợp lý của TT HC:** Rõ ràng, minh bạch trong thực hiện nộp thuế đảm bảo đúng thời hạn, nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý thuế, đảm bảo tính ổn định, đồng bộ và thống nhất.

+ **Đánh giá chi phí tuân thủ của TT HC:** Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

(2) Thủ tục hoàn thuế.

+ **Sự cần thiết của TT HC:** Đảm bảo ổn định xã hội, nâng cao trách nhiệm của cơ quan quản lý thuế trong việc thực hiện hoàn thuế, đảm bảo hoàn thuế đúng đối tượng, đúng quy định.

+ **Tính hợp pháp, hợp lý của TT HC:** Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả trong công tác hoàn thuế, đảm bảo tính ổn định, đồng bộ và thống nhất.

+ **Đánh giá chi phí tuân thủ của TT HC:** Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

(3) Thủ tục không thu thuế (không phải nộp thuế) đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

+ **Sự cần thiết của TT HC:** Đảm bảo ổn định xã hội, tạo điều kiện thuận lợi cho người nộp thuế đối với trường hợp hàng hóa thuộc diện được hoàn thuế nhưng chưa nộp thuế hoặc không phải nộp thuế thì cơ quan hải quan thực hiện thủ tục không thu thuế.

+ **Tính hợp pháp, hợp lý của TT HC:** Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý thuế, đảm bảo tính ổn định, đồng bộ và thống nhất.

+ **Đánh giá chi phí tuân thủ của TT HC:** Không làm phát sinh thủ tục hành chính mới.

(4) Thủ tục nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp:

+ **Sự cần thiết của TT HC:** Để góp phần giảm bớt khó khăn cho doanh nghiệp khi không có khả năng nộp 1 lần các khoản tiền thuế, chậm nộp đã quá hạn quá 90 ngày (theo quy định hiện hành thì chỉ được nộp dần tiền thuế nợ. Dự thảo bổ sung thêm nộp dần tiền chậm nộp, tiền phạt).

+ **Tính hợp pháp, hợp lý của TT HC:** Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả về quản lý thuế, đảm bảo tính ổn định, đồng bộ và thống nhất.

+ **Đánh giá chi phí tuân thủ của TT HC:** Không phát sinh thêm thủ tục hành chính đối với người nộp thuế.

(B) Các TTHC trong lĩnh vực thuế:

(1) Thủ tục đăng ký thuế lần đầu.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế: Quy định cho người nộp thuế mới thành lập hoặc bắt đầu phát sinh nghĩa vụ thuế thực hiện khai báo với cơ quan thuế và được cơ quan thuế cấp 1 mã số thuế sử dụng để kê khai, nộp thuế và ghi trong sổ sách kế toán, hợp đồng, hóa đơn, chứng từ, đồng thời để NNT thực hiện quyền của mình trong lĩnh vực vực thuế, như: hoàn thuế, miễn, giảm thuế ...

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục về đăng ký thuế lần đầu tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...)

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ khi TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục về đăng ký thuế lần đầu sẽ giảm.

(2) Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế;

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế: Quy định cho người nộp thuế đã đăng ký thuế và có mã số thuế thực hiện khai báo các thông tin thay đổi với cơ quan thuế.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục đăng ký thay đổi thông tin đăng ký thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...)

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục sẽ giảm.

(3) Thủ tục đăng ký tạm ngừng hoạt động, kinh doanh.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đảm bảo quyền lợi cho NNT. Quy định cho người nộp thuế có

nhu cầu tạm ngừng kinh doanh khai báo với cơ quan thuế để không phải kê khai thuế trong thời gian tạm ngừng và quy định cho người nộp thuế đang tạm ngừng kinh doanh có nhu cầu quay trở lại hoạt động trước thời hạn đã đăng ký để tiếp tục kê khai, nộp thuế.

+ Tính hợp lý của TTHC: Đăng ký tạm ngừng hoạt động kinh doanh tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...)

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục sẽ giảm.

(4) Thủ tục đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại hoạt động, chuyển đổi mô hình hoạt động.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đảm bảo quyền lợi cho NNT. Thủ tục này được quy định cho người nộp thuế có phát sinh tổ chức lại hoạt động, chuyển đổi mô hình hoạt động để thực hiện các nghĩa vụ về thuế.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục đăng ký thuế trong trường hợp tổ chức lại hoạt động, chuyển đổi mô hình hoạt động tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...)

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục sẽ giảm.

(5) Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đảm bảo quyền lợi cho NNT. Thủ tục được quy định cho người nộp thuế chấm dứt hoạt động đối với tổ chức, giải thể đối với doanh nghiệp, cá nhân chết/mất tích/mất năng lực hành vi dân sự để hoàn thành toàn bộ nghĩa vụ

thuế với cơ quan thuế và đóng mã số thuế để không phải thực hiện kê khai, nộp thuế.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...)

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ khi TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục sẽ giảm.

(6) Thủ tục khôi phục mã số thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đảm bảo quyền lợi cho NNT. được quy định cho người nộp thuế đang làm thủ tục chấm dứt hiệu lực mã số thuế có nhu cầu quay trở lại hoạt động để được tiếp tục sử dụng mã số thuế để kê khai, nộp thuế.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục khôi phục mã số thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...)

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ khi TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục sẽ giảm.

(7) Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, đảm bảo quyền lợi cho NNT. được quy định cho người nộp thuế được cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế trong trường hợp mất, rách, nát, cháy Giấy chứng nhận đăng ký thuế để thực hiện các quyền và nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: TTHC này đang được quy định tại Thông tư số 95/2016/TT-BTC ngày 28/6/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn về đăng ký thuế. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC. Khi Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi được ban hành, cùng với việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin thì chi phí tuân thủ của thủ tục sẽ giảm.

(8) Thủ tục/nhóm thủ tục khai thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Nhóm thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế quy định cho người nộp thuế khai các loại thuế theo lần phát sinh; khai theo tháng; khai theo quý; khai theo năm; khai khi chấm dứt hoạt động (bao gồm cả chấm dứt hợp đồng, chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp, tổ chức lại doanh nghiệp); khi có phát sinh giao dịch liên kết xuyên biên giới..., thủ tục này giúp NNT thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục/nhóm thủ tục khai thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ khi TTHC. Hiện nay, hầu hết các thủ tục khai thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp đã thực hiện khai thuế điện tử và thành phần hồ sơ đã tối giản (cơ bản chỉ có một tờ khai), vì vậy chi phí tuân thủ của TTHC/ nhóm thủ tục khai thuế là không lớn. Đồng thời Dự thảo Luật quản lý còn đơn giản hóa TTHC, giảm chi phí tuân thủ TTHC, cụ thể: Dự thảo Luật có bổ sung quy định mới tại Khoản 4 Điều 44 về Nguyên tắc khai thuế và tính thuế "4. Người nộp thuế thực hiện khai thuế, tính thuế tại cơ quan thuế địa phương nơi đóng trụ sở. Trường hợp người nộp thuế có đơn vị trực thuộc, chi nhánh khác địa phương nơi đóng trụ sở thì việc khai, tính thuế được căn cứ vào mô hình hạch toán kinh doanh và quy định về phân cấp ngân sách.":

Việc bổ sung quy định trên nhằm phù hợp với quản trị doanh nghiệp của người nộp thuế trong khi vẫn đảm bảo phân bổ nguồn thu cho từng địa phương, cụ thể:

Đặc thù như Ngân hàng có Chi nhánh tại nhiều tỉnh, mỗi tỉnh lại có nhiều chi nhánh, là đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin trong toàn bộ hoạt động nhưng phải khai thuế tại từng địa phương nơi có Chi nhánh, trụ sở chính. Nếu

thực hiện theo quy định mới nêu trên thì ngân hàng sẽ đơn giản công tác kê toán tại các chi nhánh cũng như đơn giản TTHC về khai thuế (Ví dụ: một người nộp thuế có trụ sở chính tại Hà Nội và có 63 chi nhánh tại 63 địa phương trong cả nước thì cùng một thủ tục hành chính thuế số 34 về khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ chỉ khai tại Cục Thuế Hà Nội quản lý trụ sở chính, không phải khai tại 63 cơ quan thuế quản lý 63 chi nhánh).

Nếu thực hiện theo quy định mới nêu trên thì người nộp thuế khai thuế GTGT tập trung tại trụ sở chính và phân bổ số thuế phải nộp (nếu có) cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và địa phương vãng lai, qua đó sẽ đơn giản hóa TTHC (đối với trường hợp Khai thuế GTGT đối với hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh và chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh sẽ không áp dụng đối với người nộp thuế có hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai ngoại tỉnh; riêng hoạt động chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh vẫn thực hiện khai tại từng địa phương nơi có đất do liên quan đến chuyển quyền sử dụng đất).

(9) Thủ tục/nhóm thủ tục Quyết toán thuế.

+ **Sự cần thiết của TTHC:** Nhóm thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế quy định cho người nộp thuế khai Quyết toán khi kết thúc thúc năm, đối với một số sắc thuế, thủ tục này giúp NNT thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước. Đồng thời làm cơ sở thực hiện các quyền được hoàn thuế theo quy định đối với một số trường hợp theo quy định.

+ **Tính hợp lý của TTHC:** Thủ tục/nhóm thủ tục Quyết toán thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ **Tính hợp pháp của TTHC:** Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ **Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC:** Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC. Hiện nay, hầu hết các Thủ tục Quyết toán thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp đã thực hiện khai thuế điện tử, vì vậy chi phí tuân thủ của TTHC/nhóm thủ tục khai quyết toán thuế là không lớn.

(10) Thủ tục gia hạn nộp hồ sơ khai thuế.

+ **Sự cần thiết của TTHC:** Thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế, quy định cho người nộp thuế trong trường hợp không có khả năng nộp hồ sơ khai thuế đúng hạn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ.

+ **Tính hợp lý của TTHC:** Thủ tục gia hạn nộp hồ sơ khai thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC.

(11) Thủ tục khai bổ sung hồ sơ khai thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế, giúp cho người nộp thuế khai bổ sung hồ sơ khai thuế đã nộp khi phát hiện sai, sót làm thay đổi nghĩa vụ thuế với NSNN.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục khai bổ sung hồ sơ khai thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc, phù hợp với yêu cầu quản lý Thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC.

(12) Thủ tục nộp thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: đảm bảo quyền lợi của NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN. Thủ tục này áp dụng cho tất cả người nộp thuế khi có nhu cầu cần xác nhận việc thực hiện nghĩa vụ thuế, đảm bảo quyền lợi của NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN.

+ Tính hợp lý của TTHC: Các TTHC về nộp thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các TTHC về nộp thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được quy định tại Khoản 6, Điều 8 Luật quản lý thuế, Thông tư 156/2013/TT-BTC, Thông tư 84/2016/TT-BTC. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC.

(13) Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế, làm cơ sở cơ quan thuế xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa theo quy định của pháp luật về thuế. Đảm bảo NNT thực hiện quyền của mình theo quy định.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục xử lý tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp thừa tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của Quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (thủ tục mới chỉ quy định “tên thủ tục”).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC.

(14) Thủ tục gia hạn nộp thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Thủ tục này cần thiết, nhằm nâng cao hiệu quả công tác quản lý thuế, tháo gỡ khó khăn cho NNT, đảm bảo NNT trong việc thực hiện nghĩa vụ thuế với NSNN.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục gia hạn nộp thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được triển khai thực hiện trong thực tế và không phát sinh vướng mắc.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Thủ tục gia hạn nộp thuế tại dự thảo Luật Quản lý thuế đang được quy định tại Luật quản lý thuế, Nghị định, Thông tư hướng dẫn thi hành. Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của Quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (thành phần hồ sơ, tài liệu kèm theo ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC.

(15) Thủ tục/nhóm thủ tục về hoàn thuế

+ Sự cần thiết của TTHC: Nhóm thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế, làm cơ sở giải quyết chi hoàn thuế theo quy định của pháp luật về thuế. Đảm bảo NNT thực hiện quyền của mình theo quy định.

+ Tính hợp lý của TTHC: Các TTHC về hoàn thuế đang được quy định tại Luật quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật và Nghị định.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của Quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính

phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC. Hiện nay, hầu hết các Thủ tục hoàn thuế đối với tổ chức, doanh nghiệp đã thực hiện khai thuế điện tử, vì vậy chi phí tuân thủ của TTHC/nhóm thủ tục hoàn thuế là không lớn.

(16) Thủ tục /nhóm thủ tục về miễn thuế, giảm thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC: Nhóm thủ tục này cần thiết trong công tác quản lý thuế, làm cơ sở giải quyết miễn thuế, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế (đối với trường hợp cơ quan quản lý quyết định miễn giảm). Góp phần tháo gỡ khó khăn cho NNT, đảm bảo NNT thực hiện quyền của mình theo quy định. Thực hiện chính sách, xã hội của Đảng và nhà nước đối với các trường hợp theo quy định.

+ Tính hợp lý của TTHC: Thủ tục /nhóm thủ tục về miễn thuế, giảm thuế đang được quy định tại Luật quản lý thuế, Nghị định hướng dẫn Luật quản lý thuế và Thông tư của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật và Nghị định.

+ Tính hợp pháp của TTHC: Các quy định về thủ tục được ban hành phù hợp thẩm quyền quy định của Quốc hội, không chồng chéo với các quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của TTHC.

(17) Thủ tục /nhóm thủ tục về đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn điện tử.

+Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính:

Các thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử là cần thiết để: (i) cơ quan thuế phân loại trường hợp người nộp thuế thuộc diện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và trường hợp người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế; (ii) Cơ quan thuế có dữ liệu hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế (phục vụ việc xây dựng CSDL về hóa đơn, phục vụ công tác hoàn thuế GTGT, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý rủi ro, phục vụ việc cung cấp thông tin cho các cơ quan khác có liên quan...)

+ Tính hợp pháp của thủ tục hóa đơn điện tử:

Thủ tục hành chính của hóa đơn điện tử được quy định tại Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi là phù hợp với thẩm quyền ban hành, không chồng chéo và không trùng lặp với các thủ tục hành chính thuế khác. Phù hợp với việc ủy quyền/giao Chính phủ/Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

+ Đánh giá chi phí tuân thủ của thủ tục:

Thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử được thực hiện thông qua phương thức điện tử theo đó giúp giảm chi phí thời gian và chi phí vật chất so với thủ tục đăng ký, quản lý, sử dụng hóa đơn truyền thống. Cụ thể:

+ Người nộp thuế không phải in các báo cáo, thông báo và không phải trực tiếp đến trụ sở cơ quan thuế để nộp mà chỉ cần ngồi tại trụ sở người nộp thuế, truy cập vào mạng để làm thủ tục bằng cách gửi cơ quan thuế qua email.

+ Giúp doanh nghiệp giảm chi phí giấy, mực in, vận chuyển và đặc biệt chi phí lưu trữ hóa đơn.

+ Khi sử dụng hóa đơn điện tử có mã xác thực, doanh nghiệp không phải lập báo cáo sử dụng hóa đơn, dữ liệu từ hóa đơn điện tử được kết nối tự động với phần mềm khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) nên doanh nghiệp không mất thời gian lập Tờ khai thuế GTGT. Do đó giảm được thời gian tuân thủ pháp luật thuế.

(18) Thủ tục lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử.

+ Sự cần thiết, tính hợp lý của thủ tục hành chính:

Các thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử là cần thiết để: (i) cơ quan thuế phân loại trường hợp người nộp thuế thuộc diện sử dụng hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế và trường hợp người nộp thuế sử dụng hóa đơn điện tử không có mã của cơ quan thuế; (ii) Cơ quan thuế có dữ liệu hóa đơn phục vụ công tác quản lý thuế (phục vụ việc xây dựng CSDL về hóa đơn, phục vụ công tác hoàn thuế GTGT, phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra thuế, quản lý rủi ro, phục vụ việc cung cấp thông tin cho các cơ quan khác có liên quan...), do đó cần thiết lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ về hóa đơn điện tử để đảm bảo quản lý việc sử dụng hóa đơn điện tử của NNT.

+ Tính hợp pháp, chi phí của thủ tục hóa đơn điện tử:

Thủ tục hành chính của hóa đơn điện tử được quy định tại Dự thảo Luật quản lý thuế sửa đổi là phù hợp với thẩm quyền ban hành, không chồng chéo và không trùng lặp với các thủ tục hành chính thuế khác. Phù hợp với việc giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC (thành phần hồ sơ, mẫu đơn, mẫu tờ khai ...).

Thủ tục hành chính khi áp dụng hóa đơn điện tử được thực hiện thông qua phương thức điện tử theo đó giúp giảm chi phí thời gian và chi phí vật chất so với thủ tục truyền thống.

(19) Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC:

Nhằm quản lý chặt chẽ hoạt động kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế đối với các tổ chức là đại lý thuế, đồng thời là hoạt động kinh doanh có điều kiện nên nhất thiết phải có sự quản lý chặt chẽ của cơ quan quản lý nhà nước. Đại lý thuế là cánh tay nối dài của cơ quan thuế trong việc hỗ trợ NNT thực hiện

nghĩa vụ thuế do đó cần thiết phải quản lý nhằm thúc đẩy phát triển đại lý thuế chuyên nghiệp cả về số lượng và chất lượng.

+ Tính hợp lý của TTHC:

Giống các loại hình kinh doanh có điều kiện khác (như kinh doanh y tế, giáo dục..), kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế cũng cần đảm bảo các doanh nghiệp tham gia cung cấp dịch vụ phải đáp ứng các điều kiện nhất định để được hoạt động, cũng như duy trì các điều kiện trong suốt quá trình cung cấp dịch vụ.

+ Tính hợp pháp của TTHC

Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý thuế phù hợp với thẩm quyền ban hành của Quốc hội, không chồng chéo và không trùng lặp với các thủ tục hành chính thuế khác. Phù hợp với việc giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC

+ Chi phí tuân thủ của TTHC

Thủ tục hành chính không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ của doanh nghiệp. Ngoài ra, đối với thủ tục đề nghị cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý thuế với doanh nghiệp Đại lý thuế thì doanh nghiệp không cần nộp Giấy Đăng ký kinh doanh trước đây được quy định trong thủ tục tại Thông tư 117 và thông tư 51. Khi sửa Luật QLT phần thủ tục này được đưa lên quy định tại Luật và bỏ quy định doanh nghiệp phải nộp Giấy Đăng ký kinh doanh khi thực hiện thủ tục đề nghị Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý thuế. Điều này tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khi thực hiện thủ tục đăng ký hoạt động đại lý thuế, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp.

(20) Thủ tục về thi chứng chỉ hành nghề đại lý thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC:

Cá nhân có đủ điều kiện được tham gia kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế. Thông qua kỳ thi cấp chứng chỉ giúp cơ quan quản lý nhà nước quản lý được chất lượng của cá nhân làm việc trong các Đại lý thuế. Những thí sinh thi đỗ kỳ thi cấp chứng chỉ hành nghề làm dịch vụ về thuế có đủ kiến thức, trình độ chuyên môn để cung cấp dịch vụ đại lý thuế có chất lượng.

+ Tính hợp lý của TTHC:

Nội dung của TTHC đưa ra cơ bản bảo đảm tính cân xứng, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động cấp chứng chỉ nghiệp vụ thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC

TTHC phù hợp với thẩm quyền ban hành của Quốc hội, không chồng chéo và không trùng lặp với các thủ tục hành chính thuế khác. Phù hợp với việc giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ các bộ phận còn lại của TTHC.

+ Chi phí tuân thủ của TTHC: Không làm tăng chi phí tuân thủ của các TTHC.

(21) Thủ tục về cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề đại lý thuế.

+ Sự cần thiết của TTHC:

Cá nhân có đủ điều kiện được cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế sẽ được cơ quan thuế cấp chứng chỉ. Cơ quan quản lý nhà nước quản lý được chất lượng của cá nhân làm việc trong các Đại lý thuế, tạo điều kiện các cá nhân đủ điều kiện có chứng chỉ để được hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

+ Tính hợp lý của TTHC:

Nội dung của TTHC đưa ra cơ bản bảo đảm tính cân xứng, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước đối với hoạt động cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế.

+ Tính hợp pháp của TTHC

Thủ tục về cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề đại lý thuế được quy định không chồng chéo, trùng lặp với các TTHC khác. Đồng thời, phù hợp thẩm quyền của Quốc hội và phù hợp với việc giao Bộ Tài chính quy định đầy đủ các TTHC còn lại.

+ Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của các thủ tục:

Việc cấp chứng chỉ hành nghề dịch vụ làm thủ tục về thuế được thực hiện miễn phí, không làm phát sinh thêm chi phí tuân thủ.

(22) Thủ tục nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp:

Thủ tục này Dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) quy định chung cho cả lĩnh vực Hải quan và lĩnh vực Thuế nên nội dung báo cáo đánh giá tác động đã được trình bày tại thủ tục số (4) phần các TTHC trong lĩnh vực Hải quan nêu trên.

III. LÁY Ý KIẾN

Trên cơ sở ý kiến của Bộ Tư pháp tại Báo cáo Thẩm định số ... Cơ quan chủ trì soạn thảo đã hoàn thiện Bản đánh giá tác động TTHC theo quy định tại Nghị định 63/2010/NĐ-CP, Nghị định 48/2013/NĐ-CP và Thông tư 03/2022/TT-BTP.

Tóm lại, những nội dung tại Dự thảo Luật Quản lý thuế (sửa đổi) có tác động lớn đến hệ thống quản lý thuế, qua đó tạo điều kiện thực hiện được các mục tiêu đề ra, đáp ứng được yêu cầu thực tiễn, hội nhập, phù hợp với chuẩn mực và thông lệ quốc tế. Trong quá trình xây dựng Luật quản lý thuế (sửa đổi), Bộ Tài chính đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo với các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân chịu sự điều chỉnh của chính sách quản lý thuế. Trên cơ sở các ý kiến tham gia, tham vấn, kết quả nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế về các vấn đề liên quan, Bộ Tài chính đã tổng hợp, xây dựng Báo cáo đánh giá tác động này.

BÁO CÁO KINH NGHIỆM QUỐC TẾ VỀ QUẢN LÝ THUẾ

Để góp phần cung cấp các thông tin và luận cứ cho việc xây dựng Dự án Luật Quản lý thuế (sửa đổi), Báo cáo tập trung cung cấp kinh nghiệm liên quan đến quản lý thuế ở một số quốc gia trên thế giới, tập trung vào các nội dung cụ thể như sau:

1. Nhóm các nội dung về quy định chung:***Về phương thức thực hiện thủ tục quản lý thuế.***

Cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ, hiện nay phần lớn các nước trên thế giới đều thực hiện phương thức quản lý thuế điện tử. Theo khảo sát của Tổ chức Hợp tác Phát triển Kinh tế (OECD), năm 2013, số tờ khai thuế TNCN qua mạng ở các nước OECD đạt bình quân 72%, ở một số nước không thuộc OECD tỷ lệ này cũng khá cao như ở Argentina và Brazil đạt 100%, Ấn Độ 80%, Malaysia 83%, Singapore 97%, Nam Phi 99%... Đối với thuế TNDN, tỷ lệ khai thuế qua mạng trung bình ở các nước OECD là 81%; ở một số nước không thuộc OECD như Argentina, Brazil và Ấn Độ là 100%, Malaysia 76%, Singapore 69%, Nam Phi 95%, Thái Lan 75%... Đối với thuế GTGT, tỷ lệ khai thuế qua mạng trung bình ở các nước OECD là 77%, ở Argentina, Costa Rica, Singapore là 100%, ở Nam Mỹ là 95%, Thái Lan 69%...

100% các nước OECD được khảo sát đặt mục tiêu thực hiện khai thuế qua mạng, 19/34 nước thực hiện nộp thuế qua mạng, 8/34 nước thực hiện hóa đơn VAT điện tử (gồm Bi, Chile, Séc, Hy Lạp, Hungary, Lúc xem bua, Slovenia, Tây Ban Nha). Hầu hết các nước ngoài khu vực OECD trong diện khảo sát cũng đặt mục tiêu thực hiện khai thuế qua mạng, trong đó có các nước khu vực châu Á như Hồng Kong, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Singapore, Thái Lan. Đồng thời, nhiều nước cũng đưa ra mục tiêu nộp thuế qua mạng, trong đó có các nước châu Á như Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Thái Lan...¹

2. Nhóm nội dung về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong quản lý thuế

2.1. Tại các quốc gia như Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, Indonesia, Philippines, các cơ quan quản lý thuế đều có nhiệm vụ xây dựng chính sách, quản

¹ OECD (2015), "Tax Administration 2015: Comparative Information on OECD and Other Advanced and Emerging Economies", OECD Publishing, Paris.
http://www.keepeek.com/Digital-Asset-Management/oecd/taxation/tax-administration-2015_tax_admin-2015-en#page253

lý thuế, kiểm tra, thanh tra; người nộp thuế có nghĩa vụ đăng ký, khai báo, nộp thuế. Cụ thể:

Tại Trung Quốc, Tổng cục Thuế vụ Quốc gia (State Taxation Administration - STA) là cơ quan thuộc Chính phủ Trung Quốc. STA được tổ chức theo mô hình quản lý tập trung, kết hợp giữa quản lý theo chức năng - đối tượng - sắc thuế. Tại cấp trung ương: STA có các nhiệm vụ: có các nhiệm vụ: xây dựng pháp luật và chính sách; xây dựng kế hoạch thu; chuyển đổi số; xây dựng quy trình nghiệp vụ quản lý thuế; thực hiện quản lý thuế tập trung bằng Chương trình Golden Tax; đàm phán và thực hiện các điều ước quốc tế; hợp tác khu vực và toàn cầu; xây dựng hệ thống dịch vụ hỗ trợ người nộp thuế; thực hiện chỉ đạo và giám sát cơ quan thuế cấp dưới theo mô hình quản lý tập trung;

- Tại cấp tỉnh: được tổ chức thành 36 cơ quan thuế, thực hiện các nhiệm vụ: thu và quản lý thuế, phí bảo hiểm xã hội và các khoản thu khác; giám sát nguồn thu thuế và quản lý rủi ro; hỗ trợ người nộp thuế; thanh kiểm tra thuế giám sát, kiểm tra công vụ;

- Tại cấp dưới tỉnh: Bao gồm 522 cơ quan thuế chi nhánh và 3.166 cơ quan thuế cấp quận/huyện; thực hiện nhiệm vụ quản lý và hỗ trợ trực tiếp người nộp thuế trên địa bàn;

- Dưới cấp huyện, có các văn phòng thuế trực tiếp hỗ trợ người nộp thuế và cá nhân; thực hiện trách nhiệm thu, quản lý thuế và các khoản thu khác.

Tại Hàn Quốc, Cơ quan thuế Quốc gia Hàn Quốc (National Tax Service - NTS) trực thuộc Bộ Tài chính Hàn Quốc có vai trò quản lý thuế tập trung, lập kế hoạch, điều phối, đảm bảo việc thống nhất trong việc áp dụng pháp luật thuế trong phạm vi cả nước. Ở cấp vùng/khu vực: có 7 Cơ quan thuế khu vực (Regional Tax Office) có chức năng tổ chức hỗ trợ người nộp thuế, kiểm tra nội bộ, thực hiện thanh tra - kiểm tra doanh nghiệp lớn theo phân cấp, giám sát, kiểm tra Chi cục Thuế thực hiện các nhiệm vụ theo phân cấp. Ở cấp quận/huyện: gồm 133 Chi cục Thuế quận/huyện (District Tax Office) được tổ chức thành các bộ phận để hỗ trợ người nộp thuế về thuế TNCN; thuế GTGT, Thuế Tài sản, Kiểm tra thuế...

Tại Thái Lan, Cục Thuế Thái Lan (The Revenue Department of Thailand) có trách nhiệm chính là thu, quản lý và phát triển trực tiếp các sắc thuế sau: Thuế thu nhập cá nhân, Thuế TNDN, Thuế giá trị gia tăng, Thuế kinh doanh đặc biệt, Thuế trước bạ, Thuế thu nhập xăng dầu,... Tại Cấp trung ương, Cục Thuế Thái Lan chịu trách nhiệm quản lý, giám sát hoạt động thuế trên toàn quốc. Cấp vùng/khu vực/tỉnh chịu trách nhiệm lập kế hoạch và đánh giá quản lý thuế, giám sát các văn phòng thuế khu vực và chi nhánh thuế khu vực theo phân công. Cấp quận/huyện chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của 850 chi nhánh thuế khu vực (Area Revenue Branch Office) và trực tiếp tổ chức các hoạt động thu thuế, nợ thuế, hoàn thuế cũng như kiểm soát thuế tại khu vực.

2.2. Tại một số quốc gia đã bổ sung công tác quản lý rủi ro trong quản lý thuế, cụ thể:

Tại Úc, Cơ quan Thuế Úc (ATO) có chức năng quản lý rủi ro tập trung sử dụng các chương trình phân tích và mô hình hóa dữ liệu để phát hiện rủi ro trong quản lý thuế, trong đó tập trung vào các doanh nghiệp đa quốc gia có giao dịch xuyên biên giới.

Tại Canada, Những đối tượng được coi là có rủi ro cao sau khi phân tích rủi ro tại Cơ quan Thuế sẽ được đưa vào kế hoạch công tác quốc gia và phải chịu sự kiểm toán tuân thủ đầy đủ.

Một số quốc gia thành lập các đơn vị, cơ quan chuyên biệt đối với các trường hợp trốn thuế sử dụng công nghệ cao (như Trung tâm chống trốn thuế công nghệ cao ở Hàn Quốc, Tổ quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử ở Nhật Bản...) nhằm phát hiện phòng ngừa các trường hợp trốn thuế một cách hiệu quả.

3. Nhóm nội dung quy định về đăng ký thuế

Thông lệ chung của nhiều nước trên thế giới là đơn giản hóa thủ tục đăng ký thuế cho người nộp thuế, chỉ yêu cầu người nộp thuế khai báo những thông tin ngắn gọn, cần thiết nhất cho công tác quản lý thuế như: Tên, địa chỉ, thông tin liên hệ của người nộp thuế; địa vị pháp lý; thông tin về đăng ký kinh doanh; loại hình kinh doanh; năm tài chính; doanh thu năm thực tế hoặc dự tính; các loại thuế phải đóng... Các dữ liệu đăng ký thuế được khai theo mẫu quy định. Cơ quan thuế sẽ cấp mã số thuế và chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế.

Cụ thể quy định về đăng ký thuế ở một số nước như sau:

- Trung Quốc: Người nộp thuế phải thực hiện đăng ký thuế trong vòng 30 ngày sau khi được cấp giấy phép kinh doanh. Tờ khai đăng ký thuế gồm các nội dung: Tên doanh nghiệp, số CMND của người đại diện, địa chỉ, loại hình đăng ký, phương pháp kế toán, loại hình sản xuất kinh doanh, phạm vi sản xuất kinh doanh, vốn đăng ký/vốn đầu tư, thời gian sản xuất kinh doanh, thông tin liên lạc của người phụ trách tài chính... Thông thường, người nộp thuế phải nộp bản cứng của tờ khai đăng ký thuế, tuy nhiên, một số cơ quan thuế địa phương có thể yêu cầu nộp bản điện tử. Thông thường, cơ quan thuế sẽ xử lý và cấp cho người nộp thuế giấy chứng nhận đăng ký thuế vào ngày mà hồ sơ đăng ký thuế được nộp. Người nộp thuế nộp đăng ký thuế muộn hơn thời gian quy định sẽ bị nộp phạt (mức cao nhất lên đến 10.000 NDT).

- Ấn Độ: Tờ khai đăng ký thuế có thể thực hiện qua mạng nhưng vẫn bắt buộc gửi kèm bản cứng có chữ ký cùng các giấy tờ liên quan. Cơ quan thuế sẽ cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế cho người nộp thuế.

- Indonesia: Hồ sơ đăng ký thuế được nộp bằng bản cứng theo mẫu do cơ quan thuế quy định. Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, cơ quan thuế sẽ tiến hành

xác minh và cấp giấy chứng nhận đăng ký thuế trong vòng 5 ngày làm việc. Trong quá trình xác minh, cơ quan thuế có thể đến kiểm tra trực tiếp tại trụ sở của người nộp thuế.

- Hàn Quốc: Hồ sơ đăng ký thuế gồm các văn bản liên quan đến thông tin của doanh nghiệp, ban giám đốc, chứng nhận đăng ký kinh doanh và một số giấy tờ khác.

4. Nhóm nội dung về khai thuế, tính thuế

Nhìn chung, các quốc gia đều quy định kỳ tính thuế của doanh nghiệp (DN)/cá nhân (CN) là năm dương lịch (từ 1/1 đến 31/12) (Thái Lan, Nhật Bản, Hàn Quốc, Ma-lay-xi-a, Xing-ga-po, Trung Quốc...), một số ít quốc gia kỳ tính thuế tuân theo năm tài khóa (12 tháng) không trùng với năm dương lịch (ở Phi-líp-pin kỳ tính thuế của DN kết thúc vào tháng 12 hoặc tháng 3; Hàn Quốc quy định năm tính thuế là năm tài chính do người nộp thuế đưa ra nhưng không vượt quá 12 tháng...). Do đó, quy định về ngày nhận hồ sơ khai thuế, thời hạn nộp tờ khai thuế cũng như quy định về nộp thuế khá khác biệt ở các nước (Phụ lục 4). Tại **Trung Quốc²**, Luật Quản lý thu thuế sửa đổi năm 2012 quy định đối với trường hợp **người nộp thuế nộp hồ sơ khai thuế qua đường bưu điện thì ngày thực tế kê khai thuế được tính theo dấu bưu điện** và người nộp thuế không phải nộp thuế trong kỳ nộp thuế vẫn phải thực hiện việc kê khai thuế theo quy định; đối tượng được miễn, giảm thuế phải kê khai thuế theo quy định trong suốt kỳ giảm, miễn thuế. Tại **Phi-líp-pin**, DN phải nộp tờ khai thuế (TKT) thu nhập theo quý và nộp TKT cuối cùng hàng năm trước hoặc vào ngày thứ 15 của tháng thứ tư sau khi kết thúc năm tính thuế. Tại **Hàn Quốc**, DN phải nộp TKT cuối cùng trong vòng 03 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Tại **In-dô-nê-xi-a³**, doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế và nộp thuế theo tháng hoặc theo năm và việc nộp thuế được tiến hành thông qua hình thức điện tử áp dụng từ 1/7/2016, cụ thể như sau:

Đối với việc khai thuế và nộp thuế theo tháng:

| Loại thuế | Hạn khai thuế | Hạn nộp thuế |
|-----------|------------------------------------|---------------------------------|
| TNDN | Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo | Ngày thứ 10 của tháng tiếp theo |
| TNCN | Ngày thứ 20 của tháng tiếp theo | Ngày thứ 15 của tháng tiếp theo |
| GTGT | Ngày cuối cùng của tháng tiếp theo | Trước ngày đến hạn nộp TKT |

Đối với việc khai thuế và nộp thuế theo năm:

| Loại thuế | Hạn khai thuế | Hạn nộp thuế |
|-----------|---------------|--------------|
|-----------|---------------|--------------|

² Từ Điều 30 đến 84, Chương 4 của Luật Quản lý thu thuế sửa đổi năm 2012

<http://tax.mofcom.gov.cn/tax/taxfront/en/article.jsp?c=30103&tn=1&id=c379952673474076aea4f578011eea0b>.

³ <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Indonesia-Corporate-Tax-administration>

| | | |
|------|---|---|
| TNDN | Ngày cuối cùng của tháng thứ tư sau khi kết thúc kỳ kế toán năm | Ngày cuối cùng của tháng thứ tư sau khi kết thúc kỳ kế toán năm và trước ngày đến hạn nộp TKT |
| TNCN | Ngày cuối cùng của tháng thứ ba sau khi kết thúc năm dương lịch | Ngày cuối cùng của tháng thứ ba sau khi kết thúc năm dương lịch và trước hạn nộp TKT |

- Tại Mỹ, kỳ tính thuế TNDN dựa trên cơ sở hàng năm: doanh nghiệp có thể chọn kỳ tính thuế khác với năm dương lịch còn năm tính thuế TNCN của Mỹ là năm dương lịch (từ 1/1 đến 31/12). Cụ thể các vấn đề về khai thuế của Mỹ như sau:

Về khai thuế:

+ Đối với thuế TNDN: Hệ thống thuế của Mỹ dựa trên nguyên tắc tự đánh giá. Người nộp thuế là doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế hàng năm (thường là mẫu 1120) trước ngày thứ 15 của tháng thứ 4 sau khi kết thúc năm thuế. Doanh nghiệp có thể được gia hạn thêm 06 tháng để nộp tờ khai thuế. Việc không nộp hồ sơ kịp thời sẽ bị phạt theo quy định.

| Mẫu số | Tiêu đề | Mục đích | Ngày đến hạn |
|-------------------------|--|---|--|
| W-2 | Khai báo lương và thuế | Người sử dụng lao động phải cung cấp cho người lao động về tổng số tiền bồi thường và số tiền khấu trừ trong năm. | Phải được gửi đến người lao động trước hoặc vào ngày 31/1 |
| 1099 | Nhiều loại khác nhau | Thông tin trên tờ khai được cung cấp cho người nhận cổ tức, thu nhập lãi và các loại thu nhập khác | Phải được gửi trước hoặc vào ngày 31/1 |
| 1120 | Tờ khai thuế TNDN | Tờ khai thuế thu nhập cho các tập đoàn trong nước hoặc các tập đoàn nước ngoài có văn phòng tại Mỹ | Ngày 15/4 cho các doanh nghiệp C, 15/3 cho các doanh nghiệp S ⁴ (Mẫu 7004 dùng để đăng ký gia hạn thêm 6 tháng) |
| K-1 | Chia sẻ thu nhập (lỗ) từ một đối tác lớn | Thông tin trên tờ khai được đối tác lớn cung cấp cho các đối tác khác | 15/3 |
| 1065 | Tờ khai thu nhập của đối tác | Thông tin trên tờ khai do đối tác lớn thực hiện kê khai | 15/3 (Mẫu 7004 dùng để đăng ký gia hạn thêm 06 tháng) |
| Tờ khai thuế địa phương | Nhiều loại khác nhau | Tờ khai thuế thu nhập cho các địa phương nơi mà DN thực hiện hoạt động kinh doanh/thương mại | Thường vào 15/4 |

Nguồn:

⁴ Nhìn chung, tất cả các doanh nghiệp hoạt động vì lợi nhuận thì được xếp loại là C, còn doanh nghiệp S thường là các DN trách nhiệm hữu hạn hoặc là đối tác của DN loại C.

<http://taxsummaries.pwc.com/ID/United-States-Corporate-Tax-administration#>

+ Đối với thuế TNCN: Tờ khai thuế TNCN (mẫu 1040) đáo hạn vào ngày 15/4 sau khi kết thúc năm tính thuế. Nếu người nộp thuế không thể nộp tờ khai thuế TNCN trước ngày đến hạn thì có thể nhận được thời gian gia hạn 06 tháng tự động để nộp hồ sơ theo mẫu 4868 vào ngày đến hạn nộp tờ khai thuế TNCN. Tuy nhiên việc nộp đơn gia hạn khai thuế không đồng nghĩa với việc được gia hạn thời gian nộp thuế. Các cặp vợ chồng có thể khai chung 1 tờ khai thuế nhằm làm giảm nghĩa vụ thuế so với việc khai riêng.

5. Nhóm nội dung quy định về nộp thuế

Ví dụ về vấn đề nộp thuế tại Mỹ như sau:

- Đối với thuế TNDN: Nghĩa vụ thuế của người đóng thuế thông thường được yêu cầu phải trả khoản thuế ước tính trong năm và trả thuế đầy đủ vào ngày đến hạn của năm đó. Đối với các DN có kỳ tính thuế theo năm dương lịch, bốn khoản thanh toán ước tính sẽ đến hạn vào ngày 15/4, 15/6, 15/9 và 15/12.

Các khoản thanh toán trả góp phải bao gồm các khoản thuế tạm tính như thuế TNDN, thuế TTĐB, thuế môi trường và đối với công ty nước ngoài là khoản thuế tạm tính trên thu nhập gộp. Để tránh bị phạt, các công ty phải tính toán khoản trả góp dựa trên ít nhất là 25% số tiền thuế ghi trên tờ khai thuế hoặc nghĩa vụ thuế của năm trước (với điều kiện nghĩa vụ thuế của năm trước là số tiền dương và năm đó bao gồm 12 tháng). Các công ty có thu nhập chịu thuế tối thiểu là 1 triệu USD (trước khi thực hiện chuyển lỗ) trong bất kỳ năm nào của 3 năm trước đó đều không được phép nộp thuế trả góp đối với năm trước đó mà phải tính toán các khoản thuế trả góp dựa trên thuế được hiển thị trên tờ khai thuế của năm hiện tại.

- Đối với thuế TNCN: Ngày đến hạn nộp thuế là 15/4. Đối với đối tượng nộp thuế trả thu nhập cho người nước ngoài thì phải khấu trừ thuế tại nguồn và khai thuế và nộp thuế theo mẫu 1042-S trước ngày 15/3 của năm tính thuế.

Thu nhập được khấu trừ từ tiền lương, tiền công của người lao động sẽ phải nộp theo quý (15/4, 15/6, 15/9 và 15/1).

Mỹ thực hiện biện pháp bảo vệ danh tính người nộp thuế: Các cơ quan quản lý thuế phải đổi mới với những thách thức trong việc giải quyết vấn đề các tổ chức hoặc cá nhân có thể sử dụng sai thông tin để mạo danh người nộp thuế nhằm thực hiện hành vi lừa đảo, gian lận thuế. Việc trộm cắp danh tính thuế có thể được sử dụng để gian lận trong việc hoàn thuế hoặc tiếp cận các khoản khấu trừ thuế. Do đó Mỹ đã thiết lập mạng lưới bảo vệ danh tính (Identity protection) của người nộp thuế.

Mã số nhận dạng cá nhân (IP PIN) là mã có sáu chữ số được cung cấp cho người nộp thuế nhằm ngăn ngừa việc sử dụng sai thông tin trên tờ khai thuế thu nhập. Để nhận được mã pin này thì người nộp thuế được yêu cầu phải xác minh

danh tính và truy cập ngay vào tài khoản email và điện thoại di động của người nộp thuế, do đó sẽ hạn chế được hành vi gian lận. Cơ quan Dịch vụ thu nội địa (Internal Revenue Service – IRS) sẽ cung cấp mã Pin mới hàng năm theo đường bưu điện.

Mã pin giúp IRS xác định danh tính của người nộp thuế và chấp nhận tờ khai thuế điện tử hoặc giấy của người nộp thuế. Mã pin sẽ giúp ngăn ngừa hành động gian lận thuế của người nộp thuế và người khác muốn xâm nhập vào tài khoản của người nộp thuế đó.

6. Nhóm nội dung về thủ tục hoàn thuế

6.1. Quy trình, thủ tục, hồ sơ thực hiện hoàn thuế GTGT

Quy trình thực hiện hoàn thuế gồm các bước:

(1) Người nộp thuế gửi hồ sơ hoàn thuế điện tử hoặc nộp đơn xin hoàn thuế trực tiếp tại cơ quan thuế hoặc gửi qua bưu chính

(2) Cơ quan thuế nhận đơn, kiểm tra và phân loại hồ sơ hoàn thuế GTGT: bao gồm các bước thực hiện như sau (các nước Châu Âu)⁵

- Sàng lọc và phân loại hóa đơn đủ điều kiện được hoàn thuế GTGT và trả lại những hóa đơn không đủ điều kiện để được hoàn thuế.

- Cung cấp tư vấn dựa trên tài liệu hoàn thuế mà đối tượng nộp thuế đã nộp nhằm tối đa hóa mức hoàn thuế hiện tại và tương lai cho các doanh nghiệp.

(3) Quyết định hoàn thuế

(4) Thanh toán các khoản hoàn thuế.

Có thể thấy, quy trình thực hiện hoàn thuế ở các nước đều từ bước nộp đơn xin hoàn thuế đến các bước cơ quan thuế nhận đơn, kiểm tra, quyết định hoàn thuế, đến thanh toán các khoản hoàn thuế.

Tuy nhiên, thời gian thực hiện quy trình sẽ khác nhau giữa các quốc gia: trong vòng 12 tháng đối với In-đô-nê-xi-a; từ 6 đến 8 tháng đối với các nước EU (Bỉ, Áo, Bỉ-đa-ry...), một số nước lại có thời gian phê duyệt và kiểm tra tình trạng thuế của doanh nghiệp từ 30 ngày đến 2 tháng kể từ khi nhận được đơn xin yêu cầu hoàn thuế (Anh, Serbia, Xin-ga-po...)⁶.

Tại In-đô-nê-xi-a, đơn yêu cầu hoàn thuế có thể được thực hiện tại hồ sơ thuế GTGT cuối năm (bao gồm tờ khai thuế, báo cáo kết quả kinh doanh, tờ khai hải quan (nếu có), tờ khai đối với các hàng hóa tư liệu sản xuất giá trị lớn, một số hợp đồng liên quan). Đối tượng nộp thuế chỉ được hoàn thuế sau khi cơ quan thuế thực hiện kiểm toán đơn hoàn thuế⁷.

⁵ https://papers.ssrn.com/sol3/papers2.cfm?abstract_id=1776711

⁶ European VAT refund guide 2012. Deloitte 2012.

⁷ The 2011 worldwide VAT, GST and sales tax guide. Earnings and Young 2012.

6.2. Thẩm quyền và thời gian giải quyết hoàn thuế GTGT

- **Hàn Quốc:** cơ quan thuế có thẩm quyền hoàn trả người nộp thuế số tiền thuế GTGT cho mỗi thời kỳ tính thuế. Nếu người nộp thuế thuộc một trong các trường hợp như cung cấp hàng hóa và dịch vụ được áp dụng mức thuế suất thuế GTGT là 0% (hàng hóa dành cho xuất khẩu; các dịch vụ bên ngoài Hàn Quốc; dịch vụ vận tải quốc tế bằng tàu và máy bay; hàng hóa hoặc các dịch vụ khác được cung cấp nhằm mục đích thu nhập ngoại hối) hoặc doanh nghiệp mới thành lập, mua lại, mở rộng quy mô vốn hoặc mở rộng các cơ sở kinh doanh thì cơ quan thuế có thẩm quyền có thể hoàn trả số tiền thuế GTGT cho người nộp thuế trong vòng 15 ngày kể từ ngày nộp tờ khai⁸.

- **In-đô-nê-xi-a:** cơ quan thuế có quyền yêu cầu có thêm tài liệu bổ sung đối với đơn xin hoàn thuế, trên cơ sở kiểm toán thuế GTGT trong vòng 12 tháng kể từ khi nhận được một đơn xin hoàn thuế hoàn chỉnh. Nếu không có quyết định nào được đưa ra trong vòng 12 tháng thì các đơn xin hoàn thuế được coi là đã được phê duyệt. Các tài liệu liên quan đến hoàn thuế GTGT phải được gửi đến cơ quan thuế trong vòng 01 tháng kể từ ngày có quyết định yêu cầu các tài liệu bổ sung từ cơ quan thuế và bất kỳ tài liệu nào nộp sau 01 tháng sẽ bị bỏ qua trong việc tính toán hoàn thuế GTGT.

7. Nhóm nội dung quy định về không thu thuế, miễn thuế, giảm thuế, khoanh tiền thuế nợ, xóa nợ tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt

a) Trường hợp được xóa nợ tiền thuế

Đối tượng được xóa nợ tiền thuế ở các nước chủ yếu là các đối tượng như phá sản, người chết, mất tích,... không có khả năng để trả tiền thuế, hoặc một số trường hợp mà khi việc thanh toán nợ thuế sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của bản thân người nộp thuế cũng như người phụ thuộc. Bên cạnh đó, đối với các khoản nợ thuế của các doanh nghiệp trong tiến trình cổ phần hóa hoặc sắp xếp lại doanh nghiệp cũng được xem xét để xóa nợ tiền thuế. Cụ thể:

- Serbia⁹: Có 4 trường hợp được xóa nợ thuế: (i) Khi có quyết định phá sản với điều kiện người nộp thuế không có tài sản để thanh toán các khoản nợ thuế hoặc tài sản có giá trị nhỏ hơn số thuế phải nộp; (ii) Có thể xóa nợ toàn bộ hay một phần nợ thuế đối với các trường hợp đang trong quá trình tư nhân hóa hoặc sắp xếp lại doanh nghiệp; (iii) Người chết không có tài sản thì nghĩa vụ thuế sẽ được xóa nợ và iv) Đối với những người mất tích mà tài sản còn lại của họ không đủ để trả tiền thuế sẽ được xóa nợ một phần.

- Hungary: Khi có đề nghị của cá nhân, cơ quan thuế có thể giảm hoặc xoá nợ thuế (trừ những khoản nợ bắt buộc) đối với các khoản phạt hoặc nợ phụ thu

⁸ http://www.dmgt.co.kr/images/down/VAT_eBook_for_Korea.pdf

⁹ <http://www.mfin.gov.rs/UserFiles/File/english/Tax%20Procedure%20and%20Tax%20Administration%20Act.pdf>

của cá nhân mà việc nộp phạt có thể gây nguy hại nghiêm trọng đối với cuộc sống của người nộp thuế và người thân cùng sống với đối tượng này. Trên cơ sở đó cơ quan thuế có thể xoá các khoản thuế còn nợ khi xem xét tới thu nhập, hoàn cảnh tài chính và xã hội của đối tượng này. Ngoài ra còn thực hiện việc xóa nợ thuế đối với các khoản thuế, phí trong trường hợp bất khả kháng hoặc thiên tai gây ảnh hưởng cho nhiều người.

- Croatia: Việc xoá nợ thuế được áp dụng cho các trường hợp: i) Nợ thuế không thu hồi được sau khi thực hiện các biện pháp thu hồi nợ; ii) Đối tượng bị thu hồi nợ thuế chết mà không còn bất động sản hay động sản để thực hiện thu hồi nợ; iii) Đối tượng nộp thuế bị phá sản, không có khả năng trả nợ thuế; việc thu hồi nợ thuế đưa đối tượng bị thu hồi nợ và gia đình họ vào tình trạng không đáp ứng nổi các nhu cầu sống cơ bản và đối tượng nộp thuế yêu cầu được xoá nợ.

- Latvia: Việc xoá nợ thuế (gồm cả nợ gốc và phạt chậm nộp) trong các trường hợp sau đây: i) Đối với doanh nghiệp: khi thủ tục phá sản đã hoàn tất, tình trạng không trả được nợ; ii) Đối với cá nhân: khi bị chết hoặc người thừa kế không đủ khả năng trả nợ; iii) Khi quyết định thu hồi thuế hết hiệu lực.

- Estonia: Các trường hợp được xóa nợ thuế bao gồm: i) Nợ thuế của pháp nhân khi pháp nhân không còn tồn tại do phá sản hoặc đóng cửa hoặc bắt buộc giải thể mà không thanh toán nợ do không có bên thứ 3 nào chịu trách nhiệm thanh toán nợ hoặc không thể thu hồi nợ từ bên thứ 3; ii) Nợ thuế của thẻ nhân khi chết; iii) Xoá nợ thuế trong trường hợp cơ quan thuế muốn đạt được thoả hiệp trong thủ tục giải thể và iv) Trong trường hợp không có khả năng thu hồi hoặc việc nợ thuế là do các tình huống nằm ngoài khả năng kiểm soát của người nộp thuế.

- Bulgaria: Áp dụng việc xóa nợ thuế đối với những trường hợp bị phá sản, nếu sau khi bán tài sản mà số tiền thu được không đủ bù đắp khoản nợ thuế thì chấp nhận xoá nợ thuế đối với phần còn lại.

- Úc¹⁰: Việc xóa nợ thuế của Úc chủ yếu áp dụng cho cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đối tượng được xóa nợ thuế là những đối tượng gặp phải những hoàn cảnh nghiêm trọng “serious hardship”. Khó khăn nghiêm trọng được quy định là khi người nộp thuế không thể tự đáp ứng được nhu cầu về thức ăn, chỗ ở, quần áo, điều trị y tế và tiếp cận dịch vụ giáo dục hoặc nhu cầu cần thiết khác cho bản thân và gia đình.

b) Thời hiệu xóa nợ thuế

b.I) Đối với trường hợp phá sản

¹⁰ <https://www.comlaw.gov.au/Details/C2004A01152>

Mỹ¹¹: Trong trường hợp phá sản, doanh nghiệp được xem xét xóa nợ thuế đối với thuế thu nhập liên bang nếu đáp ứng đủ các điều kiện: (i) là các khoản thuế thu nhập, trừ thuế thu nhập đối với tiền lương, các khoản tiền phạt có thể không được xóa; (ii) Doanh nghiệp không gian lận, cố ý trốn thuế; (iii) các khoản nợ kéo dài ít nhất 3 năm trước khi nộp đơn xin phá sản; (iv) doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế cho các khoản nợ muộn xóa ít nhất là 2 năm trước khi nộp đơn xin phá sản; (v) Đảm bảo Quy tắc 240 ngày, tức là các khoản nợ thuế thu nhập phải được Cục doanh thu nội địa (IRS) đánh giá ít nhất 240 ngày trước khi doanh nghiệp nộp đơn xin phá sản.

- Anh¹²: Nếu công ty nợ thuế hơn 2.000 bảng và đã không trả được nợ thuế trong thời hạn thỏa thuận với Cơ quan thu và hải quan (HMRC) và HMRC không thể thu hồi bằng việc kiểm soát hàng hóa, lệnh của Tòa án... HMRC có quyền đưa công ty ra Tòa án để thực hiện phá sản. Công ty sẽ có 01 năm để thanh toán các khoản nợ, trong đó có khoản nợ thuế. Các khoản nợ thuế được quyên “Cứu trợ đặc biệt”. Có 3 điều kiện để được xóa nợ thuế: (i) Từ chối khoản hoàn thuế nếu được hoàn; (ii) Xác nhận những nghĩa vụ thuế đã thực hiện, chứng minh rằng đây là khoản thuế lớn; (iii) Trước đây công ty chưa từng có yêu cầu giảm thuế.

Khi đối tượng nộp thuế nộp hồ sơ thông tin thông báo phá sản gửi tới Văn phòng Phá sản và Thực thi HMRC (the HMRC Enforcement and Insolvency Office – EIO) thì người nộp thuế sẽ được yêu cầu hoàn trả toàn bộ số nợ thuế trong thời hạn sớm nhất (trong vòng 14 ngày kể từ ngày thông báo tới EIO). Tuy nhiên nếu người nộp thuế không có khả năng trả nợ thuế thì việc xóa nợ thuế sẽ mất khoảng thời gian là 01 năm để thực hiện và người nộp thuế sẽ được cơ quan có hiệu lực thi hành thông báo bắt đầu quy trình phá sản¹³.

- Canada¹⁴: Trường hợp người nộp thuế còn nợ thuế thì có thể được xem xét nếu thỏa mãn điều kiện của Luật phá sản và cung cấp đầy đủ hồ sơ. Trường hợp đối tượng nợ thuế lần đầu tiên bị phá sản và nợ Cơ quan thuế số thuế TNCN lên tới hơn 200.000 đôla (bao gồm cả tiền lãi, tiền phạt chậm nộp) và số tiền này tương ứng với 75% hoặc nhiều hơn số tiền đang nợ thì đối tượng nộp thuế sẽ không đủ điều kiện đăng ký bị phá sản. Trong trường hợp này sẽ phải nộp đơn lên tòa án để xem xét các điều khoản của việc phá sản. Người nợ thuế sẽ phải nộp báo cáo hàng tháng về thu nhập và chi phí ít nhất 9 tháng.

b.2) Xóa nợ thuế đối với cá nhân đã chết

- Mỹ¹⁵: Nếu cá nhân đã chết mà vẫn còn khoản nợ thuế, IRS sẽ gửi danh sách khoản nợ thuế cho người được hưởng tài sản của người đã chết. Người này

¹¹ <https://www.nolo.com/legal-encyclopedia/bankruptcy-tax-debts-eliminating-29550.html>

¹² <http://taxaid.org.uk/guides/taxpayers/tax-debt/bankruptcy>

¹³ <http://taxaid.org.uk/guides/taxpayers/tax-debt/bankruptcy>

¹⁴ <http://www.sands-trustee.com/faq/what-about-tax-debt-with-canada-revenue-agency/>

¹⁵ <http://peopleof.oureverydaylife.com/happens-federal-income-tax-debt-person-owes-dies-4098.html>

phải có trách nhiệm phân phôi tiền và tài sản, trong đó có khoản nợ thuế được ưu tiên hàng đầu. Nếu người chết có vợ hoặc chồng, thì vợ/chồng phải chịu trách nhiệm về khoản nợ thuế này. Trong điều kiện nhất định, có thể nộp đơn xin xóa nợ thuế. Sau thời hạn 10 năm, kể từ ngày IRS đánh giá lại khoản thuế, khoản nợ thuế được xóa bỏ.

Trường hợp người nộp thuế đã chết với điều kiện người nộp thuế là một nhân viên quân sự hoặc dân sự của Mỹ chết vì bị thương do kết quả của các hoạt động quân sự hoặc bị tấn công khủng bố hoặc đang phục vụ với nhiệm vụ là một phi hành gia. Thời điểm xóa nợ thuế là ngay trong năm mà đối tượng nộp thuế chết và cả các năm trước đó khi đối tượng nộp thuế bị thương¹⁶

Ví dụ: Đối với nghĩa vụ thuế TNCN của một công dân Mỹ. Người này bị thương trong cuộc tấn công khủng bố năm 2009 khi đang là một nhân viên nhưng đến năm 2015 người này đã chết vì vết thương trong năm 2009. Như vậy, đối tượng này sẽ được xóa nợ thuế vào năm 2015 và cho tất cả các năm trước đó trong giai đoạn 2008 đến 2014. Việc hoàn lại tiền cho đối tượng này được thực hiện ở bất kỳ thời điểm nào sau khi đối tượng này chết.

- Canada¹⁷: Xóa nợ thuế áp dụng đối với người nộp thuế đã chết. Theo quy định, sau 01 năm, các quyền lợi mà người nộp thuế trước khi chết chưa được thanh toán bao gồm: cổ tức, tiền lương, quyền lợi bảo hiểm thất nghiệp, kế hoạch chi trả lương hưu, tiền hoa hồng cho kỳ lương kết thúc trước khi người nộp thuế chết sẽ được hoàn lại cho đại diện hợp pháp hưởng lợi trực tiếp; hoặc sau 90 ngày kể từ ngày Cơ quan thu của Canada (Canada Revenue Agency) gửi thông báo điện tử đánh giá về số hoàn.

b.3) Xóa nợ thuế đối với các trường hợp khác

Ngoài các trường hợp nói trên, pháp luật về thuế của một số quốc gia còn quy định việc xóa nợ thuế đối với một số trường hợp đặc thù. Cụ thể như sau:

- Ma-lay-xi-a: Giảm nợ thuế GTGT xấu (không thu được)¹⁸: Người nộp thuế (hoặc nay không còn là người nộp thuế) có thể đề nghị với Tổng cục thuế để giảm nợ thuế đối với khoản nợ xấu (trên toàn bộ hoặc một phần) nếu: người này không nhận được bất kỳ thanh toán nào hoặc một phần của khoản thanh toán từ việc cung cấp dịch vụ bị chịu thuế kể từ ngày nợ thuế; hoặc người này đã vỡ nợ trước thời hạn 6 tháng kể từ ngày nợ thuế.

- Nhật Bản: Một số trường hợp bị cơ quan thuế thực hiện biện pháp cưỡng chế thuế bằng cách tịch thu tài sản nhưng đối tượng đó lại không có tài sản và khi việc thanh toán nợ thuế sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của đối tượng đó thì cơ

¹⁶ <https://www.irs.gov/pub/irs-pdf/p559.pdf>

¹⁷ <http://devrieslitigation.com/wp-content/uploads/2013/09/FILING-TAX-RETURNS-FOR-THE-DECEASED-AND-THE-ESTATE-by-Justin-de-Vries-and-Diane-Vieira.pdf>

¹⁸ <http://www.customs.gov.my/en/pg/Documents/BIL%20ACT%20762.pdf>

quan thuế có thể tạm ngừng thủ tục thu thuế quá hạn. Nếu lệnh tạm ngừng kéo dài trong 03 năm thì nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng bị cưỡng chế được xóa bỏ.

- Pháp¹⁹: Thời hiệu thu hồi nợ thuế thông thường được áp dụng là 4 năm, tuy nhiên tùy vào từng trường hợp cụ thể mà có thể tăng lên, thêm 10% (đối với trường hợp chậm trả thuế) hoặc tăng gấp đôi là 8 năm (nếu bị phạt) và có những thời hiệu đặc biệt liên quan đến bất động sản thì kỳ hạn là 30 năm.

- Vùng Quebec Canada²⁰: Thời hiệu của việc thu hồi nợ thuế của vùng này được cố định trong 10 năm (quy định tại khoản 27.3 Luật quản lý thuế của Vùng Quebec).

- Nam Phi²¹: Cơ quan dịch vụ thu thuế Nam Phi (SARS) có trách nhiệm thông báo cho các đối tượng nợ thuế bằng văn bản về số nợ thuế được xóa. Nợ thuế không thu hồi theo pháp luật được quy định tại các điều 197, 198, phần C, chương 14, luật quản lý thuế 2011 của Nam Phi. Theo đó, người nộp thuế được xóa nợ thuế vĩnh viễn nếu thuộc các trường hợp: Nợ không thể phục hồi theo phán quyết của tòa án; Nợ là nợ của “bên nợ” mà sau khi thanh lý hoặc tịch thu tài sản đã không còn tài sản để thanh toán nợ; Nợ của “bên nợ” là đối tượng thuộc kế hoạch giải cứu kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp Nam Phi.

c) Thẩm quyền về xóa nợ tiền thuế, tiền phạt

Thẩm quyền ban hành xóa nợ thuế của các nước có sự khác nhau, ở một số nước việc ban hành quyết định xóa nợ thuế thuộc thẩm quyền của Chính phủ trên cơ sở đề xuất của Bộ Tài chính như Serbia, một số nước do Bộ Tài chính quyết định như Croatia, In-đô-nê-xi-a, Latvia,... tuy nhiên cũng có một số nước phân cấp theo giá trị của khoản nợ thuế được xóa như Hungary, Úc. Cụ thể tại một số nước như sau:

- Serbia²²: Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Chính phủ xem xét ra quyết định xoá nợ.

- In-đô-nê-xi-a: Các trường hợp được xoá nợ thuế và thủ tục xoá nợ thuế do Bộ Tài chính quy định.

- Croatia: Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế sẽ ban hành các quy định về việc xoá nợ thuế dựa trên các giải trình của đối tượng nộp thuế và đề nghị của Cục trưởng Cục Thuế địa phương đối với khoản nợ thuế không thu hồi được sau khi thực hiện các biện pháp thu hồi nợ như đối tượng bị thu hồi nợ thuế bị chết mà

¹⁹ <http://bofip.impots.gouv.fr/bofip/3663-PGP.html>

²⁰

http://www2.publicationsduquebec.gouv.qc.ca/dynamicSearch/telecharge.php?type=16&file=A6_002IF27_3T1R3BULB.pdf

²¹ <http://www.sars.gov.za/AllDocs/LegalDoclib/AABC/LAPD-LPrim-Act-2012-01%20-%20Tax%20Administration%20Act%202011.pdf>

²² <http://www.mfin.gov.rs/UserFiles/File/english/Tax%20Procedure%20and%20Tax%20Administration%20Act.pdf>

không còn bất động sản hay động sản để thực hiện thu hồi nợ; đối tượng nộp thuế bị phá sản, không có khả năng trả nợ thuế hay việc thu hồi nợ thuế sẽ đưa đối tượng bị thu hồi nợ và gia đình họ vào tình trạng không đáp ứng nổi các nhu cầu sống cơ bản, đối tượng nộp thuế yêu cầu được xoá nợ.

- Hungary: Cơ quan thuế ra quyết định hủy bỏ số thuế còn nợ của đối tượng nợ thuế nếu việc cưỡng chế thuế không có kết quả hoặc hết thời hiệu hoặc khoản nợ thuế nhỏ, dưới 1.000 fô-rint (tương đương 5 triệu đồng).

8. Nhóm nội dung về quy định về áp dụng hóa đơn, chứng từ điện tử

Mặc dù được áp dụng rộng rãi nhưng cách thức và phương thức áp dụng hóa đơn điện tử của các nước trên thế giới cũng rất khác nhau. Có quốc gia áp dụng theo hình thức bắt buộc đối với tất cả các doanh nghiệp (ví dụ, ở Hàn Quốc, In-đô-nê-xi-a...); có quốc gia chỉ yêu cầu áp dụng hóa đơn điện tử đối với một số nhóm doanh nghiệp nhất định và thường cho các doanh nghiệp có doanh thu trên ngưỡng quy định (ví dụ như ở Mê-xi-cô hay Chi Lê...); thậm chí có quốc gia chỉ yêu cầu bắt buộc cho một số loại hình giao dịch, ví dụ như các hoạt động cung ứng hàng cho khu vực công (ví dụ như ở Đan Mạch trước đây...). Bên cạnh đó, để thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử cũng có quốc gia áp dụng các cơ chế khuyến khích, ví dụ như cho phép giảm trừ vào nghĩa vụ thuế một số tiền nhất định cho mỗi hóa đơn điện tử sử dụng (ví dụ, như trường hợp của Hàn Quốc...). Bên cạnh đó, đối với những quốc gia yêu cầu áp dụng bắt buộc hóa đơn điện tử cũng thường đi kèm với việc quy định chế tài đối với trường hợp không tuân thủ.

Tại Châu Âu, hóa đơn điện tử được sử dụng phổ biến ở các doanh nghiệp lớn. Việc triển khai hóa đơn điện tử tại các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) ở mức tương đối thấp mặc dù số lượng DNNVV chiếm tỷ lệ lớn (trên 90%) tổng số các doanh nghiệp ở Châu Âu. Các quốc gia sớm triển khai hóa đơn điện tử bao gồm Đan Mạch, Phần Lan, Na Uy, Thụy Điển, Slovakia, Áo, Thụy Sỹ, Ý và Tây Ban Nha. Chẳng hạn tại Thụy Điển²³, hóa đơn điện tử đã được sử dụng từ cuối những năm 1980 và đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp. Các phương pháp chính được sử dụng là hóa đơn điện tử và hình thức thanh toán qua ngân hàng, tự thanh toán, qua e-mail và các dịch vụ trực tuyến và cả hình thức quét các hóa đơn bằng giấy. Chính phủ Thụy Điển đã quy định tất cả các cơ quan chính phủ xử lý hóa đơn điện tử trước ngày 1/7/2008, cho đến thời điểm hiện nay đã có 99% cơ quan có thể gửi và 98% cơ quan có thể nhận hóa đơn điện tử. Chính phủ thực hiện quy định xã hội hóa việc cung cấp dịch vụ hóa đơn điện tử thông qua các dịch vụ điện tử (EDI).

Đầu năm 2002, Ủy ban Châu Âu (EC) xác định việc lập hóa đơn điện tử là một cơ hội và trong năm 2005 xác định nó trở thành một phần của Kế hoạch Hành động Châu Âu điện tử.

²³ http://www.nea.nu/wp-content/uploads/2012/07/E-invoice_gateway.pdf

Vào năm 2014, Liên minh Châu Âu (EU) đã ban hành một số chỉ thị²⁴ quy định chính quyền hành chính ở tất cả 28 quốc gia thành viên của EU sử dụng hóa đơn điện tử B2G (giữa Doanh nghiệp và Chính phủ) vào năm 2018. Quy định này hiện đang được xây dựng cùng với Ủy Ban dự án Tiêu chuẩn Châu Âu số 434 (CEN/PC 434).

Tại Anh, hóa đơn điện tử được áp dụng tại các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp vừa và nhỏ nhưng chủ yếu vẫn là doanh nghiệp lớn. Một số doanh nghiệp thường được khuyến khích sử dụng hóa đơn điện tử bao gồm: (i) các doanh nghiệp xuất khẩu vừa và nhỏ được áp dụng phát hành hóa đơn điện tử nhiều hơn các doanh nghiệp không có hoạt động quốc tế; (ii) các doanh nghiệp kinh doanh trực tuyến (vì những doanh nghiệp này có nhiều khả năng phát hành hóa đơn điện tử hơn so với những doanh nghiệp không có trang web riêng); (iii) các doanh nghiệp kinh doanh thương mại; (iv) các doanh nghiệp có doanh số bán hàng khá cao như lĩnh vực sản xuất, xây dựng, giao thông vận tải và viễn thông và kinh doanh dịch vụ; (v) các doanh nghiệp nhỏ và vừa (nhưng tỷ lệ các DNNVV sử dụng hóa đơn điện tử còn khá ít, khoảng 15-16%).

Các quốc gia trong Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương hiện đang ở trong các giai đoạn khác nhau của việc áp dụng hóa đơn điện tử nhằm tạo điều kiện cho việc tuân thủ thuế và cải thiện số thu thuế. Cụ thể một số nước như sau:

- Tại Trung Quốc²⁵, cơ sở quản lý thuế là bằng hóa đơn. Theo mô hình truyền thống là quản lý thông qua hóa đơn giấy có dấu của cơ quan thuế. Tuy nhiên, cùng với việc cải cách quản lý thuế, Trung Quốc áp dụng việc điện tử hóa các con dấu, chữ ký và điện tử hóa hóa đơn. Nhiều cơ quan nhà nước đã sử dụng con dấu, chữ ký điện tử, nhiều văn bản hành chính không phải ban hành bằng giấy.

Hóa đơn điện tử ở Trung Quốc được định nghĩa là hóa đơn có thông tin được mã hóa, số hóa đưa lên mạng, do vậy nó khác biệt hoàn toàn với hóa đơn truyền thống bằng giấy. Trung Quốc có những công cụ xác nhận danh tính, chữ ký điện tử giúp đảm bảo độ chính xác thông tin trên mạng (Điều này dẫn tới rất nhiều công ty in hóa đơn giấy buộc phải đóng cửa). Việc thay đổi đó tạo điều kiện thuận tiện hơn cho việc giám sát của cơ quan thuế do có thể giám sát tức thì thay vì giám sát hậu kỳ như trước đây, do có bộ phận đơn vị trong cơ quan thuế làm nhiệm vụ thống kê, phân tích các con số hàng ngày để đưa ra kết quả, và các kết quả phân tích sẽ tự động đưa ra cảnh báo. Khi tiến hành thanh kiểm tra, công việc sẽ được triển khai khá thuận lợi vì mức độ kiểm chứng là dễ dàng. Ví dụ có

²⁴ Chỉ thị 2014/24/EU hướng dẫn các nước thành viên thực hiện hóa đơn điện tử B2G và đưa vào luật quốc gia trước năm 2016. Chỉ thị 2014/55/EU hướng dẫn các cơ quan hành chính công chấp nhận hóa đơn điện tử vào năm 2018.

²⁵ Báo cáo về *Quản lý các hoạt động chuyển giá và chính sách tài chính hỗ trợ, quản lý thương mại điện tử* tại Tô Châu, Trung Quốc (2018).

thể phát hiện hành vi chuyển giá (chẳng hạn việc hạ thật thấp giá bán hàng để chuyển lợi nhuận ra nước ngoài). Ba vấn đề cơ quan thuế muôn biết: lưu thông dòng tiền, lưu thông hàng hóa và lưu thông hóa đơn thì lưu thông dòng tiền sẽ khó giả mạo nhất.

Cho đến thời điểm hiện tại, Trung Quốc đã thực hiện áp dụng hóa đơn điện tử trên phạm vi toàn quốc và cho tất cả các doanh nghiệp. Mỗi hóa đơn có 1 mã QR, con dấu của cơ quan thuế và hệ thống ký mã hiệu, dùng để quét thông tin trên từng hóa đơn. Thông qua hóa đơn điện tử, cơ quan thuế có thể kiểm tra được lượng hàng tồn kho của một doanh nghiệp. Hiện nay, Trung Quốc đang thực hiện xây dựng Cục thuế điện tử nhằm thực hiện chiến lược số hóa quốc gia.

- Xing-ga-po đã cho phép áp dụng hóa đơn điện tử từ năm 2003. Doanh nghiệp có thể phát hành hóa đơn điện tử mà không cần sự chấp thuận trước của cơ quan thu nội địa (IRAS) nhưng phải tuân thủ Hướng dẫn lưu giữ hồ sơ đối với DN đăng ký GST. DN có thể thuê bên thứ ba tạo hóa đơn điện tử và tín dụng điện tử. Theo hướng dẫn lưu giữ hồ sơ, thì hồ sơ hóa đơn điện tử có thể được giữ bằng phần mềm kế toán. Thêm vào đó, mặc dù IRAS không yêu cầu chữ ký số (IRAS, 2013b) thì hồ sơ hóa đơn điện tử phải được lưu giữ và hoạt động với độ tin cậy và tính xác thực cần thiết. Vào đầu tháng 11 năm 2008, các DN cung cấp hàng hóa và dịch vụ cho chính phủ bắt buộc phải phát hành hóa đơn điện tử. Như vậy, Xing-ga-po đã đưa ra quy định bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử B2G (giữa Doanh nghiệp và Chính phủ) từ năm 2008 và áp dụng đối với đối tượng là các nhà cung cấp²⁶.

- Hàn Quốc đã triển khai hệ thống thuế GTGT vào năm 1976 và để giúp cải thiện thu thuế, quốc gia này đã yêu cầu áp dụng toàn bộ hóa đơn điện tử đối với B2G (giữa Doanh nghiệp và Chính phủ) và B2B (giữa Doanh nghiệp với doanh nghiệp) vào năm 2010.

Đối với các doanh nghiệp và cá nhân khác, trước đây việc sử dụng hóa đơn điện tử được áp dụng đối với một số nhóm đối tượng nhất định. Tuy nhiên, sau đó việc áp dụng hóa đơn điện tử được áp dụng bắt buộc đối với doanh nghiệp (từ năm 2011), riêng đối với cá nhân kinh doanh thì hóa đơn điện tử được áp dụng theo ngưỡng doanh thu và ngưỡng này được điều chỉnh giảm dần (từ năm 2012 là 1 tỷ KRW (khoảng 910 ngàn đô la Mỹ và từ 01/07/2014 là 300 triệu KRW (tương đương khoảng 270 ngàn đô la).

- In-đô-nê-xi-a đã đưa ra hệ thống hóa đơn điện tử GTGT vào năm 2014 và kể từ ngày 1/7/2016, In-đô-nê-xi-a²⁷ triển khai hóa đơn điện tử bắt buộc đối với toàn bộ các doanh nghiệp chịu thuế trên toàn quốc. Quy định này giúp tránh được việc làm giả hóa đơn vì việc mã hóa cho hóa đơn chịu thuế phải trải qua giai đoạn

²⁶ <http://sbr.com.sg/financial-services/commentary/e-invoicing-in-singapore-set-rise-in-2015>

²⁷ <http://eeiplatform.com/17298/indonesia-mandatory-e-invoicing-for-all-taxable-enterprises-as-from-1-july-2016/>

xác nhận nghiêm ngặt. Để sử dụng hóa đơn điện tử, các doanh nghiệp ở In-dô-nê-xia buộc phải thực hiện một số yêu cầu: (i) Bước một là cài đặt ứng dụng do Tổng cục Thuế cung cấp (ứng dụng phần mềm này được kết nối với chương trình e-SPT của In-dô-nê-xi-a; ứng dụng được trang bị một cuốn sổ tay nhằm giải thích công cụ được thiết lập như thế nào và cách thực hiện); (ii) Bước hai là sau khi hoàn tất bước một, doanh nghiệp sẽ nhận được “chứng chỉ điện tử”. Kể từ tháng 7/2015, Tổng cục Thuế đã yêu cầu các doanh nghiệp trong khu vực Java và Bali sử dụng hóa đơn điện tử và người mua hàng hóa và dịch vụ phải nhận được hóa đơn điện tử. Khi thực hiện hình thức hóa đơn điện tử sẽ giảm các trường hợp sử dụng hóa đơn giả mạo và số hoàn thuế sẽ giảm, giúp số thu thuế GTGT tăng lên.

- Tại Đài Loan, đối tượng áp dụng hóa đơn điện tử là các cơ sở kinh doanh, tuy nhiên các cơ sở kinh doanh muốn sử dụng hóa đơn điện tử phải đáp ứng các điều kiện dưới đây để có thể đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử: i) Cơ sở kinh doanh được xác định là không còn nợ thuế và không bị phạt thuế và trong 02 năm có giấy chứng nhận kê khai thuế màu xanh; ii) Cơ sở kinh doanh có thể nắm được thông tin của người mua hàng cá nhân (ví dụ như: tên, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...); iii) Đảm bảo có thiết bị kết nối mạng internet và có đủ khả năng lưu giữ các hóa đơn điện tử; iv) Đã được Bộ Kinh tế cấp chữ ký điện tử và con dấu điện tử; v) Phải sử dụng mạng để truyền dữ liệu điện tử; vi) Thủ tục đăng ký sử dụng hóa đơn điện tử với cơ quan thuế: vốn đạt 500 tỷ, doanh thu đạt 500 triệu Đài tệ.

- Mê-xi-cô cũng là một quốc gia áp dụng rộng rãi hóa đơn điện tử. Năm 2010, mô hình xuất Hóa đơn Điện tử qua Internet (CFDI) được công bố. Năm 2011: Các công ty có doanh thu lớn hơn 4 triệu peso phải áp dụng CFDI. Ngày 1/1/2014, Mexico triển khai bắt buộc áp dụng CFDI với các công ty có doanh thu từ 250,000 peso trở lên, và cho việc phát hành tiền lương hoặc chứng từ lương. Sau đó, các hình thức hóa đơn truyền thống đã dần dần không còn được sử dụng rộng rãi mà thay vào đó là hóa đơn điện tử. Mục tiêu chính của việc bắt buộc áp dụng hóa đơn điện tử là chống gian lận thuế và giảm nền kinh tế phi chính thức. Để có thể phát hành một hóa đơn điện tử, DN phải đăng ký với Cơ quan thuế Mexico (SAT) và có được chữ ký số và con dấu kỹ thuật số từ SAT.Thêm vào đó, chỉ có định dạng XML là hợp lệ đối với một hóa đơn điện tử.

- Chi Lê²⁸ đã giới thiệu hệ thống hóa đơn điện tử vào năm 2002 và áp dụng cho tất cả các doanh nghiệp vào tháng 1 năm 2014.

- Tại Argentina²⁹, quốc gia này đã sử dụng hóa đơn điện tử (một cách bắt buộc theo luật định) từ năm 2007. Sau đó, việc sử dụng hóa đơn điện tử được mở rộng cho các hoạt động kinh doanh và các đối tượng nộp thuế. Trong năm 2016,

²⁸OECD (2017), "Tax Administration 2017: Comparative information on OECD and other advanced and emerging economies.

²⁹OECD (2017), "Technology tools to tackle tax evasion and tax fraud".

việc thực hiện sử dụng hóa đơn điện tử đã hoàn thành và bắt buộc đối với tất cả các đối tượng nộp thuế GTGT.

Tại khu vực Châu Phi, phần lớn các quốc gia đang trong giai đoạn đầu của việc áp dụng hóa đơn điện tử nên đối tượng áp dụng chủ yếu vẫn là các doanh nghiệp lớn.

9. Nhóm thông tin người nộp thuế

Để phục vụ công tác quản lý thuế việc xây dựng hệ thống thông tin người nộp thuế giúp đánh giá dự báo tình hình, xây dựng chính sách về thuế, đánh giá mức độ chấp hành pháp luật của người nộp thuế, ngăn ngừa, phát hiện hành vi vi phạm pháp luật về thuế.

Tại Trung Quốc, tất cả thông tin liên quan đến người nộp thuế được lưu trữ và khai thác qua "cửa sổ thuế". Các cơ quan liên quan như ngân hàng, cơ quan công thương, và cơ quan quản lý chất lượng sẽ cung cấp thông tin về người nộp thuế. Cơ quan thuế phân loại người nộp thuế theo lịch sử chấp hành thuế và áp dụng các biện pháp kiểm soát hiệu quả.

Tại Nhật Bản, cơ quan thuế quốc gia Nhật Bản (National Tax Agency - NTA) tại cấp Trung ương có nhiệm vụ hoạch định chính sách, xây dựng quy trình nghiệp vụ, tổ chức chỉ đạo hệ thống dựa trên mô hình quản lý thuế tập trung, tích hợp cơ sở dữ liệu lớn về người nộp thuế. Theo đó, Cơ quan Thuế Quốc gia Nhật Bản (National Tax Agency – NTA) được tổ chức thành các bộ phận như thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp lớn và đa quốc gia, điều tra tội phạm thuế...

Tại Thái Lan, về việc phân tích dữ liệu, cơ quan Thuế Thái Lan đang phát triển hệ thống phân tích dữ liệu cho phép thông tin các doanh nghiệp tích hợp vào hệ thống nộp thuế và tránh chống làm giả hóa đơn thuế³⁰.

Tại Hàn Quốc, cơ quan thuế Hàn Quốc (NTS) đã ra mắt “Trung tâm dữ liệu lớn – Big Data Center” với mục tiêu số hóa quản lý thuế và giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ chính sách quốc gia. Trung tâm dữ liệu lớn sử dụng các kỹ thuật phân tích dữ liệu lớn tiên tiến và phát triển các hệ thống thông minh để hỗ trợ báo cáo của người nộp thuế bằng cách cung cấp các tài liệu hỗ trợ báo cáo tùy chỉnh và cải thiện môi trường báo cáo thân thiện với người dùng.

10. Nhóm nội dung về kiểm tra thuế, thanh tra thuế

Về chức năng điều tra của cơ quan thuế

Nhằm ngăn chặn các hành vi gian lận, trốn thuế, nâng cao tính tuân thủ thuế, tạo lòng tin của công chúng đối với hệ thống thuế, đảm bảo tính công bằng,

³⁰VietnamPlus, Thailand strengthens measures to combat tax evasion. Available at: <https://en.vietnamplus.vn/thailand-strengthens-measures-to-combat-tax-evasion-post279597.vnp> (Accessed: 26 December 2024).

minh bạch của thuế, một số quốc gia cho phép các cơ quan quản lý thuế có chức năng điều tra về thuế.

Ở Mỹ, cục thuế ở các bang thành lập phòng/văn phòng điều tra về thuế nhằm điều tra các hành vi vi phạm về thuế doanh thu, thuế nhà thầu, thuế thu nhập, thuế tài sản, thuế thuốc lá, thuế nhiên liệu... Ở bang Ohio³¹, nhân sự của Phòng Điều tra tội phạm về thuế bao gồm cảnh sát và các nhân viên hỗ trợ và năm 2011, 2012, Phòng Điều tra đã giúp nguồn thu thuế của bang tăng thêm lần lượt là 6,7 và 7,9 triệu đô la Mỹ nhờ hoạt động điều tra.

Ở Malaysia³², Phòng Điều tra tội phạm được thành lập thuộc Cục Thuế nội địa Malaysia, thực hiện điều tra các trường hợp có nghi ngờ dựa trên bằng chứng chính xác và rõ ràng về việc người nộp thuế đang cố tránh thuế hoặc đã thực hiện hành vi trốn thuế. Malaysia cũng ban hành Khuôn khổ Điều tra về thuế làm căn cứ cho việc điều tra thuế, có hiệu lực từ ngày 01/01/2007.

Ở Philippines³³, Cơ quan điều tra về thuế được thành lập ở Trung ương (thuộc Cục Thuế nội địa) và các địa phương (thuộc các cơ quan thuế nội địa vùng).

Canada³⁴ thành lập Chương trình Điều tra tội phạm thuộc Cơ quan thu thuế Canada để điều tra các vụ trốn thuế lớn có một trong các đặc điểm sau: i) Có tính trọng yếu, và/hoặc các vụ trốn thuế có yếu tố quốc tế; ii) Tổ chức một cách tinh vi, có tổ chức nhằm lừa gạt chính phủ; iii) Các trường hợp tội phạm tài chính có liên quan đến các cơ quan hành pháp khác, bao gồm cả các vụ trốn thuế liên quan đến rửa tiền và tài trợ cho khủng bố...

11. Nhóm nội dung quy định về cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, trong trường hợp đối tượng nộp thuế vi phạm và làm phát sinh nợ thuế, thì phần lớn các quốc gia hiện nay sử dụng biện pháp cưỡng chế thu hồi nợ thuế đối với người đứng đầu quản lý doanh nghiệp khi vi phạm luật thuế (Úc, Cam-pu-chia, In-đô-nê-xi-a, Hàn Quốc, Ma-lay-xi-a, New Zealand, Phi-líp-pin, Luxembourg...)³⁵, ngoài ra các quốc gia cũng sử dụng biện pháp tịch thu tài sản của chủ nợ (Phi-líp-pin, Trung Quốc, Ma-lay-xi-a, New Zealand, Xing-ga-po, Thái Lan,...).

Tại Luxembourg³⁶, từ 14/12/2016, Quốc hội đã phê duyệt dự thảo Luật số 7020 về cải cách thuế 2017, theo đó có nhiều thay đổi đối với quản lý thuế GTGT.

³¹ <http://www.tax.ohio.gov/Professional/CriminalInvestigationsDivision/AboutUs.aspx>

³² http://lampiran1.hasil.gov.my/pdf/pdfam/RangkaKerjaPenyiasatanCukai_2.pdf

³³ <http://www.imf.org/external/np/seminars/eng/2012/asiatax/pdf/henares.pdf>

³⁴ <https://www.canada.ca/en/revenue-agency/programs/about-canada-revenue-agency-cra/compliance/criminal-investigations-program.html>

³⁵ ADB (2016), “A comparative analysis of tax administration in Asia and the Pacific”.

³⁶ http://www.ey.com/lv/en/services/tax/tax-alert_20130507_luxembourg-law-on-tax-reform-2017-has-vat-implications

Cụ thể trong trường hợp doanh nghiệp không hoàn thành nghĩa vụ thuế GTGT thì người quản lý trực tiếp của doanh nghiệp sẽ phải chịu trách nhiệm về việc thanh toán khoản thuế GTGT mà công ty đang nợ đối với cơ quan thuế.

Tại **Phi-líp-pin³⁷** là cưỡng chế bằng biện pháp kê biên tài sản hoặc thu tiền của đối tượng bị cưỡng chế hoặc bằng một thủ tục tố tụng tại tòa trong vòng 05 năm kể từ thời điểm cơ quan thuế phát hiện hành vi vi phạm.

Tại **In-đô-nê-xi-a³⁸**, biện pháp cưỡng chế thuế chỉ được thực hiện khi các khoản thuế đến hạn phải thu chưa được người nộp thuế thanh toán đầy đủ. Theo Luật quản lý thuế hiện hành, cơ quan thuế thực hiện các bước sau để cưỡng chế thu hồi nợ thuế: (1) Gửi Thư Cảnh cáo đến người nộp thuế nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 07 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế; (2) Đưa ra Lệnh Kê biên nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 21 ngày kể từ ngày gửi Thư Cảnh cáo; (3) Đưa ra Lệnh Tịch thu tài sản nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 48 giờ kể từ ngày đưa ra Lệnh Kê biên; (4) Ban hành một Thông báo đấu giá đối với tài sản bị tịch thu nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày đưa ra Lệnh Tịch thu tài sản; (5) Thực hiện đấu giá công khai nếu khoản nợ thuế chưa được thanh toán trong vòng 14 ngày kể từ ngày đưa ra Thông báo đấu giá. Cơ quan thuế thực hiện phân bổ các khoản thu được từ việc đấu giá tài sản bị tịch thu: (i) thanh toán các khoản thuế chưa được nộp; (ii) bù đắp các khoản phạt trên số thuế và phí đấu giá; (iii) phần còn lại được chuyển lại cho đối tượng bị cưỡng chế thuế.

Tại **Nhật Bản³⁹**, theo Luật Thu thuế quốc gia biện pháp cưỡng chế thuế đối với các khoản nợ thuế chưa được thanh toán kể từ ngày hết hạn nộp thuế bằng cách tịch thu tài sản hoặc chuyển đổi tài sản của người nộp thuế thành tiền, đấu giá tài sản thành tiền mặt. Các thủ tục thực hiện như sau: (i) Cơ quan thuế gửi thư thông báo thu các khoản thuế quá hạn trong vòng 50 ngày kể từ ngày hết hạn nộp thuế; (2) Nếu thanh toán không được thực hiện trong vòng 10 ngày kể từ ngày ra thông báo, cơ quan thuế bắt đầu tiến hành các biện pháp cưỡng chế thuế mà không cần có giấy phép của tòa án.

Nếu người nộp thuế không có tài sản, hoặc việc thu nợ thuế ảnh hưởng đến cuộc sống của người nộp thuế, cơ quan thuế có thể tạm ngừng thủ tục thu thuế quá hạn. Nếu lệnh tạm ngừng kéo dài trong 03 năm thì nghĩa vụ nộp thuế của đối tượng bị cưỡng chế được xóa bỏ.

Tại **Hàn Quốc⁴⁰**, theo Luật Thu thuế quốc gia biện pháp cưỡng chế thuế theo hình thức thu hồi tài sản của người nộp thuế được thực hiện khi người nộp thuế không nộp tờ khai thuế hoặc không nộp thuế, theo đó cơ quan thuế thực hiện

³⁷ <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Corporate-Tax-administration>

³⁸ <https://www.pwc.com/id/en/pocket-tax-book/english/pocket-tax-book-2016.pdf>

³⁹ https://www.nta.go.jp/foreign_language/report2003/contents.htm : mục 6 Tax Payment and Collection of Delinquent Taxes.

⁴⁰ Ministry of Strategy and Finance, Korea Taxation 2016; p.192

(1) Thông báo yêu cầu thanh toán giri trực tiếp đến đối tượng không nộp đủ thuế vào ngày đến hạn; (2) Nếu người nộp thuế không nộp tờ khai thuế vào ngày ghi trong Thông báo, cơ quan thuế có quyền yêu cầu cưỡng chế đối với tài sản gắn liền với người nộp thuế (tài sản lưu động, chứng khoán; bất động sản; tài sản đang bị khiếu kiện và các quyền tài sản khác); (3) Nếu tài sản của người chậm nộp thuế có liên quan đến thủ tục thanh lý phá sản thì cơ quan thuế có thể yêu cầu một phần tiền thu được từ việc bán tài sản đó...

Tại **Trung Quốc⁴¹**, theo Luật Quản lý thu thuế 2012, biện pháp cưỡng chế thuế là thu hồi tài sản của người nợ thuế. Đối với tài sản tịch thu để thực hiện cưỡng chế thuế và bán đấu giá công khai nhằm bù đắp các khoản thuế còn nợ và các khoản phạt thuế, số tiền còn lại sau khi thực hiện hết các nghĩa vụ sẽ được chuyển cho người nộp thuế trong vòng 3 ngày sau.

12. Nhóm nội dung về quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý thuế

12.1. Quy định về mức phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật về thuế

Hầu hết các quốc gia đều đưa ra quy định về xử phạt vi phạm pháp luật về thuế với các hành vi không nộp tờ khai thuế đúng hạn, không nộp thuế đúng hạn, không báo cáo chính xác nghĩa vụ thuế...và mức phạt khác nhau tương ứng với từng hành vi vi phạm. Cụ thể, quy định mức phạt đối với hành vi chậm nộp thuế ở các nước rất khác nhau, có nước đưa ra mức lãi suất nộp phạt theo: (i) năm (Bỉ, Phần Lan, Italia); (ii) tháng (Đức, Luxembour, Bồ Đào Nha, Thổ Nhĩ Kỳ) hoặc (iii) ngày (Úc, Cộng hòa Séc, Ai Lan, Hàn Quốc). Đối với nộp phạt hành chính các nước thường không chế tỷ lệ % theo số thuế phải nộp như Áo là 10%; Canada là 5% + 1% cho mỗi tháng nộp chậm, Aixolen là 25%...; Đối với lãi suất phạt chậm nộp thuế cơ bản là dưới 0,05%/ngày như: Ai - len là 0,03%/ngày và Hàn Quốc là 0,03%/ngày...(Phụ lục 5).

12.2. Quy định về thời hiệu xử phạt vi phạm pháp luật về thuế

Tại **Phi-lip-pin, Thái Lan** đối với hành vi khai thuế giả mạo hoặc gian lận hoặc không nộp tờ khai thuế, thời hiệu xử phạt là 10 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm⁴². Tại **In-dô-nê-xi-a⁴³**, theo Luật Quản lý thuế hiện hành, đối với hành vi gian lận nộp thiếu số tiền thuế, thời hiệu xử phạt là 05 năm kể từ thời điểm bắt đầu nghĩa vụ thuế của đối tượng nộp thuế. Tại **Pháp⁴⁴**, trong trường hợp trốn thuế, thủ tục tố tụng hình sự có thể được tiến hành trong 06 năm kể từ ngày hành vi vi phạm được thực hiện. Tại **Bỉ⁴⁵**, trong trường hợp vi phạm pháp luật liên quan đến thuế thu nhập, có hành vi gian lận và có ý định trốn thuế, thời hiệu xử phạt là

⁴¹<http://tax.mofcom.gov.cn/tax/taxfront/en/article.jsp?c=30103&tm=1&id=c379952673474076aea4f578011eea0b>

⁴²<http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Individual-Tax-administration>;

<http://taxsummaries.pwc.com/ID/Thailand-Individual-Tax-administration>

⁴³<http://taxsummaries.pwc.com/ID/Indonesia-Individual-Tax-administration>

⁴⁴<https://www.service-public.fr/particuliers/vosdroits/F31451>

⁴⁵https://www.belgium.be/fr/impots/impot_sur_les_revenus/societes/declaration/controle

07 năm. Tại **Thụy Sỹ**⁴⁶, trong trường hợp trốn thuế, thời hiệu xử phạt là 10 năm kể từ ngày hành vi vi phạm thực hiện.

13. Nhóm nội dung về quy định khiếu nại, tố cáo, khởi kiện

Tại Nhật Bản, Bộ phận giải quyết khiếu nại được tổ chức tại Chi cục Thuế, Cục Thuế địa phương, Tổng cục Thuế (Tòa án thuế quốc gia hay còn gọi là Cơ quan tài phán hành chính về thuế).

Tòa án thuế quốc gia là tổ chức thuộc Tổng cục Thuế nhưng thực hiện xét xử một cách độc lập, công bằng, phán quyết của Tòa án là quyết định giải quyết khiếu nại cuối cùng của cơ quan thuế.

Nhân sự của Cơ quan tài phán về thuế được hình thành không chỉ bao gồm các cán bộ giàu kinh nghiệm đến từ cơ quan thuế quốc gia Nhật Bản mà còn bao gồm nhân sự đến từ các cơ quan, đơn vị khác như thẩm phán, công tố viên, luật sư, kế toán, đại lý thuế... Phán quyết của Cơ quan tài phán về thuế được xem xét và đưa ra trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng thẩm phán bao gồm thẩm phán phụ trách và các thẩm phán tham dự hội thẩm. Việc hội thẩm sẽ được tổ chức tổng thể 3 lần (bao gồm cả hội thẩm lần đầu và hội thẩm giữa kỳ), biểu quyết theo nguyên tắc đa số trong buổi hội thẩm cuối cùng và lập bản nghị quyết. Quyết định sẽ được đưa ra căn cứ theo nghị quyết của ban hội thẩm. Chánh án sẽ đưa ra phán quyết dựa theo nghị quyết của ban hội thẩm.

Nghiên cứu kinh nghiệm các nước cho thấy, phần lớn việc khiếu nại của người nộp thuế là khiếu nại quyết định hành chính của cơ quan thuế, có quốc gia theo quy định hiện hành, người nộp thuế có quyền khiếu nại, tố cáo hành vi hành chính của cơ quan thuế (Hàn Quốc⁴⁷) và cơ quan chịu trách nhiệm trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo là cơ quan thuế. Thời hạn tối thiểu cho việc xem xét, đánh giá lại các quyết định hành chính mà người nộp thuế khiếu nại và thời hạn tối thiểu cho việc giải quyết các khiếu nại, tố cáo của cơ quan thuế rất khác nhau ở mỗi quốc gia, tuy nhiên nhìn chung thời hạn 30 – 60 ngày được áp dụng phổ biến và thường xuyên nhất (bảng 2).

Bảng 2: Quy định về thời hạn xem xét, giải quyết khiếu nại, tố cáo

| Quốc gia | Thời gian tối thiểu cho việc xem xét, đánh giá lại | Thời gian tối thiểu cho việc giải quyết khiếu nại, tố cáo |
|-----------|--|---|
| Úc | 10 ngày ⁴⁸ | 60 ngày |
| Ý | 60 ngày | 90 ngày |
| Argentina | 15 ngày | 60 ngày |
| Croatia | 30 ngày | 2 tháng |

⁴⁶ http://www.francaisdesuisse.ch/download/d15_f.pdf

⁴⁷ Korea taxation, 2016; p.182

⁴⁸ Cơ quan thuế đánh giá lại đối với đối tượng nộp thuế là doanh nghiệp lớn trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kiểm toán độc lập

| | | |
|---------------|--------------------------|---------------------------|
| Căm-pu-chia | 30 ngày | 60 ngày |
| Trung Quốc | 60 ngày | 60 ngày |
| Ân Độ | 30 ngày | 01 năm |
| In-đô-nê-xi-a | 3 tháng | 12 tháng |
| Nhật | 2 tháng | ... |
| Hàn Quốc | 90 ngày | 90 ngày |
| Romania | 30 ngày | 45 ngày |
| Kyrgyz | 30 ngày | 30 ngày |
| Nam Phi | 30 ngày | 90 ngày |
| Ma-lay-xi-a | 30 ngày | 12 tháng |
| Niu-di-lân | 2 tháng | không |
| Phi-líp-pin | 15/30 ngày ⁴⁹ | 15/180 ngày ⁵⁰ |
| Tajikistan | 30 ngày | 30 ngày |
| Xing-ga-po | 30 ngày | 6 tháng |
| Thái Lan | 30 ngày | 90 ngày |

Nguồn: Báo cáo của ADB và quản lý thuế (OECD, 2015)

14. Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử

Sự phát triển của công nghệ thông tin đã kéo theo sự phát triển nhanh chóng của các hình thức thương mại điện tử (TMĐT). Về cơ bản, thương mại điện tử là mô hình kinh doanh mới, theo đó các hoạt động kinh doanh liên quan đến các giao dịch điện tử, trung bày sản phẩm, đàm phán, quảng cáo, bán hàng được thực hiện qua Internet⁵¹ (mô hình TMĐT điển hình là Amazon.com và eBay.com....). Các giao dịch TMĐT có thể được thực hiện giữa doanh nghiệp (doanh nghiệp) với doanh nghiệp; giữa doanh nghiệp với các cá nhân; giữa các cá nhân với nhau hoặc giữa doanh nghiệp với Chính phủ và giữa Chính phủ với các cá nhân. Tuy nhiên, bản chất của TMĐT là không có trụ sở giao dịch, không thực hiện giao dịch trên giấy và một số hàng hóa thực hiện trao đổi trong giao dịch là các hàng hóa vô hình (như các sản phẩm số), nên các giao dịch trong TMĐT là rất khó kiểm soát, các hành vi trốn thuế xảy ra thường xuyên và phổ biến hơn gây khó khăn cho công tác quản lý thuế⁵². Vì vậy, các quốc gia đưa ra các quy định chặt chẽ nhằm hướng tới quản lý thuế có hiệu quả hơn đối với hoạt động TMĐT, bao gồm phân loại các giao dịch TMĐT, quy định về đăng ký thuế, quy định về nghĩa vụ của các đối tượng tham gia giao dịch TMĐT...(Phi-líp-pin, Thái Lan...). Cụ thể:

a) Ở Phi-líp-pin⁵³:

⁴⁹ 15 ngày đối với đánh giá sơ bộ và 30 ngày đối với đánh giá cuối cùng

⁵⁰ 15 ngày đối với cơ quan thuế để quyết định phản hồi của người nộp thuế đối với thông báo đánh giá sơ bộ; Đối với thông báo đánh giá cuối cùng không có giới hạn thời gian cho cơ quan thuế nhưng người nộp thuế có thể tìm kiếm giải pháp ở tòa sau 180 ngày.

⁵¹ <https://www.chinabusinessreview.com/changing-import-tax-policies-for-e-commerce-in-china/>

⁵² <http://tapchitaichinh.vn/nghien-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/tron-thuc-thuong-mai-dien-tu-nhan-diencac-hanh-vi-va-giai-phap-xu-ly-68187.html>

⁵³ <http://digitalfilipino.com/tax-guidelines-e-commerce-transactions-philippines/>

<http://digitalfilipino.com/core/uploads/2013/09/tax-guidelines-for-ecommerce-transactions-philippines2.pdf>

Ngày 5 tháng 8 năm 2013, Cục Nguồn thu nội địa (the Bureau of Internal Revenue) đã ban hành Thông tư số 55-2013 quy định nhiệm vụ của người nộp thuế có hoạt động kinh doanh giao dịch điện tử. Theo đó:

Đối tượng áp dụng trong Thông tư là: i) Đối với hoạt động mua sắm hoặc bán lẻ trực tuyến: Các tổ chức, cá nhân kinh doanh TMĐT sở hữu một trang web và bán sản phẩm và dịch vụ riêng của họ. Cửa hàng trực tuyến, cửa hàng điện tử có tính chất tương đồng nhau trong việc mua và bán hàng hóa và dịch vụ; ii) Đối với dịch vụ trung gian trực tuyến: Bên thứ ba cung cấp dịch vụ trung gian giữa hai bên kinh doanh và nhận hoa hồng từ hoạt động đó. Trong trường hợp này mối quan hệ giữa bên bán và bên cung cấp dịch vụ trung gian tương tự như mối quan hệ giữa đại lý và tổ chức kinh doanh theo thỏa thuận riêng của họ.

Tuy nhiên một số trường hợp nhà cung cấp dịch vụ trung gian sẽ được coi là nhà bán lẻ: (i) Khi người tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ từ một nhà cung cấp trung gian và nhà cung cấp này kiểm soát việc thanh toán của người mua, sau đó nhận hoa hồng từ nhà bán lẻ; (ii) Khi nhà cung cấp dịch vụ trung gian đưa ra nhiều sản phẩm của riêng mình thì được coi là nhà bán lẻ hoặc người bán các sản phẩm đó.

Các giao dịch TMĐT được quy định phân loại như sau: (i) giao dịch giữa doanh nghiệp và cá nhân (B2C) bao gồm cửa hàng bán hàng hóa và dịch vụ qua mạng cho người tiêu dùng cuối cùng; (ii) giao dịch giữa cá nhân với cá nhân (C2C); (iii) giao dịch giữa doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B) bao gồm việc tuyển dụng người lao động, quảng cáo trực tuyến, tín dụng, bán hàng, nghiên cứu thị trường, hỗ trợ kỹ thuật, mua sắm và các loại hình đào tạo khác nhau...

Nghĩa vụ của các đối tượng (doanh nghiệp, cá nhân) thực hiện kinh doanh thông qua giao dịch điện tử được quy định như sau:

(i) Đăng ký kinh doanh tại Cơ quan thu của huyện (Revenue District Office - RDO) về địa điểm kinh doanh/trụ sở chính (hoặc nơi ở của cá nhân) bằng cách hoàn thành mẫu BIR 901 (cho cá nhân) hoặc 1903 (đối với doanh nghiệp, tập đoàn hoặc các đối tác) và thanh toán phí đăng ký kinh doanh thông qua ngân hàng được RDO ủy quyền thu. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh BIR do RDO cấp phản ánh các nghĩa vụ thuế mà người nộp thuế phải nộp.

(ii) Đảm bảo cơ quan in ấn có thể in hóa đơn/biên lai thu và đăng ký sổ sách kế toán để sử dụng trong kinh doanh, có thể là: (i) sổ tay kế toán, sổ tay hóa đơn/biên lai thu, sổ sách kế toán hoặc các loại giấy tờ liên quan khác; (ii) sử dụng hệ thống kế toán máy tính (CAS) hoặc hệ thống lập hóa đơn điện tử

(iii) Phát hành hóa đơn hoặc biên lai đã đăng ký bằng cách thức thủ công hoặc bằng điện tử cho những lần giao dịch và hóa đơn/biên lai phải có đầy đủ thông tin theo yêu cầu của cơ quan thu và phải được lập ít nhất là 02 bản (bản gốc cung cấp cho người mua và bản sao được người bán giữ lại trong sổ sách kế toán)

(iv) Tổ chức, cá nhân kinh doanh TMĐT được yêu cầu phát hành hóa đơn hoặc biên lai chính thức cho khách hàng và các khoản hoa hồng được khấu trừ tại nguồn và thực hiện khấu trừ thuế tại nguồn đối với việc trả lương cho nhân viên hoặc các khấu trừ khác. Người nộp thuế phải chuyển số thuế được khấu trừ này cho cơ quan thuế theo quy định và phát hành giấy Chứng nhận khấu trừ thuế (nếu cần thiết) đối với người lao động.

(v) Nộp tờ khai thuế trước ngày đến hạn⁵⁴, nộp thuế trên doanh thu và nộp các bản khai thuế và các báo cáo khác như Tóm tắt danh sách bán hàng/mua hàng, danh sách người thanh toán hàng năm...theo quy định hiện hành

(vi) Giữ sổ sách kế toán và các hồ sơ kinh doanh trong thời hạn quy định và nhân viên thu thuế kiểm tra và xác minh bất kỳ lúc nào nhằm đảm bảo tính tuân thủ các quy tắc và luật thuế.

Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh trong việc phát hành hóa đơn và trách nhiệm của khách hàng trong việc nhận hóa đơn và biên lai thu chính thức từ người bán và nhà cung cấp dịch vụ được thực hiện theo các luật thuế hiện hành⁵⁵

b) Ở Thái Lan⁵⁶:

Theo quy định của Thái Lan, thương mại điện tử được định nghĩa là gửi và/hoặc nhận thông tin dữ liệu bằng điện tử để hoàn thành một giao dịch thương mại. Hình thức TMĐT phổ biến nhất là trao đổi hàng hóa, dịch vụ trực tuyến, gồm doanh nghiệp với doanh nghiệp (B2B), doanh nghiệp với khách hàng (B2C) và doanh nghiệp với chính phủ (B2G). Các yêu cầu pháp lý bao gồm:

- Các doanh nghiệp phải đăng ký hoạt động kinh doanh TMĐT thông qua hệ thống Internet

- Chứng nhận kinh doanh TMĐT đặc biệt được áp dụng trong vòng 30 ngày kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh. Trang web đủ điều kiện cho hoạt động thương mại điện tử phải đầy đủ thông tin về giá và thủ tục thanh toán.

Bất kỳ tổ chức nào xử lý thanh toán bằng thẻ tín dụng trên trang phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về bảo mật. Hiện nay, NHTW Thái Lan đang thực thi các biện pháp kiểm soát chặt chẽ hơn đối với đối tượng kinh doanh TMĐT để bảo đảm sự tuân thủ của họ.

⁵⁴ Theo quy định hiện hành: (i) Doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế thu nhập theo quý và trong vòng 60 ngày kể từ ngày kết thúc ba quý đầu năm đóng thuế, doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế tóm tắt tổng thu nhập và các khoản được khấu trừ tính đến thời điểm nộp và doanh nghiệp phải nộp tờ khai thuế cuối cùng hàng năm trước hoặc vào ngày thứ 15 của tháng thứ tư sau khi kết thúc năm tính thuế; (ii) Cá nhân phải nộp tờ khai trước hoặc vào ngày 15/4 của năm tính thuế tiếp theo.

Nguồn: <http://taxsummaries.pwc.com/ID/Philippines-Corporate-Tax-administration>

⁵⁵ Các luật thuế hiện hành quy định không phân biệt việc phát hành hóa đơn đối với các giao dịch mua và bán hàng hóa hoặc dịch vụ theo hình thức thông thường hoặc thông qua TMĐT

⁵⁶ <http://pugnatorius.com/e-commerce/>

- Theo Luật bán hàng trực tiếp và Marketing trực tiếp, một số dự án TMĐT cụ thể phải đăng kí với Cơ quan bảo vệ người tiêu dùng như hình thức bán hàng trực tiếp.

- Để thực hiện giao dịch TMĐT cho khách hàng ở Thái Lan yêu cầu các thỏa thuận dân sự và thương mại phải tuân thủ các quy định của Luật giao dịch điện tử, Luật bảo vệ người tiêu dùng, luật dân sự và luật thương mại.

- Hoạt động kinh doanh TMĐT ở Thái Lan với cỗ đồng nước ngoài cần được cấp Chứng nhận hoạt động kinh doanh nước ngoài. Ngoại trừ trường hợp kinh doanh bán lẻ hoặc bán buôn được thực hiện với một công ty có số vốn đăng kí từ 100 triệu THB trở lên. Nếu doanh nghiệp thực hiện kinh doanh bán lẻ hoặc bán buôn thì vốn yêu cầu là 200 triệu THB.

c) Ở khu vực Châu Âu⁵⁷:

Ngày 1/12/2016, Ủy ban châu Âu đã công bố đề xuất các biện pháp để cải thiện môi trường GTGT cho thương mại điện tử và kinh doanh trực tuyến ở châu Âu, tạo thuận lợi cho người tiêu dùng, các công ty, đặc biệt là doanh nghiệp khởi nghiệp, SMEs trong việc mua bán hàng hóa dịch vụ trực tuyến. Các đề xuất bao gồm:

Quy định GTGT mới cho việc mua bán hàng hóa dịch vụ trực tuyến: hiện nay, người bán hàng trực tuyến phải đăng kí GTGT ở tất cả các nước thành viên để bán hàng hóa. Rào cản lớn nhất đối với TMĐT qua biên giới đối với các nghĩa vụ GTGT làm tăng chi phí của các doanh nghiệp lên tới 8.000 euro cho mỗi nước họ áp dụng bán hàng. Do đó, theo quy định mới được đề xuất, các doanh nghiệp áp dụng một kê khai cho tất cả các nước khu vực Châu Âu (VAT one stop shop).

Đơn giản hóa quy tắc GTGT cho các doanh nghiệp siêu nhỏ và khởi nghiệp: các doanh nghiệp nhỏ được hưởng thuận lợi từ việc áp dụng cùng quy tắc thuế GTGT như áp dụng ở nước họ, cụ thể là các yêu cầu về hóa đơn và hạch toán.

Gian lận thuế GTGT: mỗi lô hàng hóa được nhập khẩu vào EU có giá trị thấp hơn 22 euro hiện được miễn thuế GTGT. Do đó, với 150 triệu lô hàng nhập mỗi năm được miễn phí thuế GTGT, hệ thống này sẽ tạo cơ hội cho gian lận và lạm dụng. Thứ nhất, các doanh nghiệp EU sẽ bất lợi trước đối thủ cạnh tranh ngoài EU vì họ có trách nhiệm áp dụng thuế GTGT từ mức tiền đầu tiên. Thứ hai, những hàng hóa có giá trị cao như điện thoại và các thiết bị thông minh bị đánh giá thấp hoặc sai mô tả trong giấy tờ nhập khẩu để được hưởng miễn thuế GTGT. Do đó, ủy ban Châu Âu sẽ hủy việc áp dụng mức miễn này.

Áp dụng quy tắc thuế như nhau đối với sách điện tử, báo điện tử và các sản phẩm in ấn. Hiện nay, quy định hiện tại cho phép các nước thành viên đánh thuế

⁵⁷ European Commission(2016). Commission proposes new tax rules to support e-commerce and online businesses in the EU. Press release.

các sản phẩm xuất bản như sách, báo ở mức thấp, và một số trường hợp tới mức 0%. Quy tắc tương tự sẽ được áp dụng cho các xuất bản điện tử như sách và báo điện tử, điều này có nghĩa các sản phẩm này được áp dụng ở mức thuế suất tiêu chuẩn. Sau khi các thành viên thông qua, sẽ xây dựng mức thuế suất phù hợp đối với xuất bản điện tử.

Đã triển khai Hệ thống Báo cáo Thuế Kỹ thuật số, yêu cầu các nền tảng kỹ thuật số báo cáo thu nhập của người bán cho cơ quan thuế quốc gia, giúp đảm bảo thu nhập từ hoạt động kinh doanh trên các nền tảng này được khai báo và nộp thuế đầy đủ.

d) Tại Mỹ, đất nước đứng đầu về thương mại điện tử với khoảng 1/3 doanh thu thương mại điện tử toàn cầu đã có hệ thống luật pháp khá hoàn thiện để quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử.

Năm 2013, Thương viện Hoa Kỳ đã thông qua “Đạo luật Thị trường bình đẳng”. Đạo luật này với tư cách là yêu cầu đầu tiên về thuế tiêu dùng internet toàn liên bang (hiện, ở Hoa Kỳ thuế tiêu dùng thuộc phạm vi bang). Theo đó, cho phép chính quyền các bang thu thuế tiêu dùng đối với các nhà cung cấp thương mại điện tử trên toàn liên bang.

Từ năm 2023, Sở Thuế vụ Hoa Kỳ (IRS) yêu cầu các nền tảng thanh toán như PayPal, Cash App... phải báo cáo các giao dịch kinh doanh của người dùng nếu tổng số tiền nhận được vượt quá 600 USD trong một năm, thắt chặt hơn so với ngưỡng trước đây là 20.000 USD và 200 giao dịch. Việc thay đổi này nhằm tăng cường thu thuế từ các hoạt động kinh doanh nhỏ lẻ trên nền tảng số.

Bảng 1. Quản lý thuế hướng đến kỹ thuật số⁵⁸

| Thuế TNDN | Trao đổi thông tin tự động | Sử dụng hóa đơn điện tử | Sử dụng thiết bị phân tích dữ liệu/rủi ro | Định hướng |
|---|---|---|---|---|
| <ul style="list-style-type: none"> - Khai thuế điện tử là bắt buộc đối với các doanh nghiệp lớn - Người nộp thuế được yêu cầu sử dụng hệ thống điện tử để nộp thuế hàng tháng | <ul style="list-style-type: none"> - Việc trao đổi thông tin người nộp thuế với cơ quan thuế được thực hiện theo thỏa thuận trao đổi thông tin từ các quốc gia | <ul style="list-style-type: none"> - Do Mỹ không áp dụng thuế GTGT nên chưa áp dụng hóa đơn điện tử - Cơ quan quản lý thuế chỉ yêu cầu hóa đơn khi có hoạt động kiểm toán thuế thu nhập | <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích dữ liệu được sử dụng cho mục đích kiểm toán và rủi ro tuân thủ - Chi tiết hồ sơ khai thuế từ bên thứ ba được theo dõi quản lý nhằm | <ul style="list-style-type: none"> - Người nộp thuế tự quản lý tài khoản - Quản lý dữ liệu phi thuế nhằm xác định nghĩa vụ thuế |

⁵⁸[http://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/EY-tax-administration-is-going-digital/\\$FILE/EY-tax-administration-is-going-digital.pdf](http://www.ey.com/Publication/vwLUAssets/EY-tax-administration-is-going-digital/$FILE/EY-tax-administration-is-going-digital.pdf)

| | | | | |
|--|--|--|------------------------|--|
| | | | chống gian lận thuế | |
|--|--|--|------------------------|--|

e) Úc⁵⁹ cũng yêu cầu các nhà cung cấp thương mại điện tử phải có mã số nhận dạng, thực hiện các thủ tục đăng ký và hoàn thiện hệ thống dữ liệu điện tử. Úc đánh thuế các nhà cung cấp thương mại điện tử như bất kỳ các hoạt động kinh doanh có cửa hàng và kho hàng hóa thông thường. Sau khi mua hàng qua mạng, người mua sẽ nhận được hóa đơn từ nhà cung cấp thương mại điện tử, trong đó có biên lai thu thuế của chính phủ.

g) Tại Vương quốc Anh: từ tháng 1/2025, các nền tảng trực tuyến như eBay, Airbnb... phải báo cáo thu nhập của cá nhân kinh doanh trên nền tảng cho Cơ quan Thuế và Hải quan nếu cá nhân kinh doanh có hơn 30 giao dịch hoặc thu nhập trên 1.700 bảng Anh mỗi năm.

Nhìn chung, xu hướng của các quốc gia đều đẩy mạnh hợp tác, phối hợp quốc tế trong thu thuế đối với hoạt động kinh doanh thương mại điện tử nhằm giảm thất thu thuế và tránh rủi ro đánh thuế hai lần nếu không có sự thống nhất các nguyên tắc về thuế. Cơ quan quản lý thuế ở Đức yêu cầu sự hỗ trợ của các quốc gia đã được ký thỏa thuận trong các Hiệp định song phương nhằm trao đổi thông tin một cách tự nguyện. Hàn Quốc định hướng xây dựng hệ thống chia sẻ thông tin về thuế giữa cơ quan thuế các nước hướng tới việc đánh thuế một cách công bằng.

⁵⁹ <http://thoibaotaichinhvietnam.vn/pages/thue-voi-cuoc-song/2018-04-01/co-the-quan-ly-duoc-thue-doi-voi-thuong-mai-dien-tu-55610.aspx>